



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

CBR650R



Tài liệu này được xem như một phần không thể thiếu của xe và cần được giao kèm theo xe khi bán lại.

Tài liệu này cung cấp những thông tin sản xuất mới nhất có được tại thời điểm xuất bản tài liệu. Công ty Honda Motor có quyền thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần phải thông báo trước và không chịu bất cứ trách nhiệm nào.

Không được phép tái bản bất cứ phần nào của tài liệu nếu không có sự cho phép bằng văn bản của tác giả.

Hình minh họa trong tài liệu này có thể không giống với hình thực tế.

Để tham khảo thêm thông tin, Quý Khách vui lòng truy cập
"Câu hỏi thường gặp" theo đường dẫn: <https://www.honda.com.vn/cau-hoi-thuong-gap>

Khi cần tư vấn, vui lòng liên hệ:

Phòng Quan hệ khách hàng – Công ty Honda Việt Nam.

Số điện thoại tư vấn miễn phí: 18008001

Email: cr@honda.com.vn

Giờ làm việc: 7:30 ~ 18:00 hàng ngày, trừ các ngày nghỉ lễ.

Lời chào

Cảm ơn bạn đã chọn mua sản phẩm của chúng tôi. Sự lựa chọn của bạn đã khiến bạn trở thành một trong những thành viên của gia đình khách hàng thân thiết, ưa chuộng sản phẩm của Honda trên toàn cầu và góp phần xây dựng chất lượng trong từng sản phẩm của chúng tôi.

Để đảm bảo an toàn và mang lại cảm giác thoải mái khi lái xe:

- Hãy đọc kỹ tài liệu này.
- Hãy thực hiện theo những khuyến cáo và quy trình nêu ra trong tài liệu này.
- Đặc biệt chú ý đến những thông điệp an toàn trong tài liệu này và trên xe.

- Mã số trong tài liệu này chỉ quốc gia trực tiếp bán hàng.
- Hình minh họa trong tài liệu này dựa trên xe CBR650RA kiểu FO.

Mã quốc gia

Mã số	Quốc gia
CBR650RA	
III FO, IV FO	Đài Loan
KO, II KO	Hàn Quốc
MA, II MA	Malaysia
PH, II PH	Philippines
TH, II TH	Thái Lan
U, II U	Australia, New Zealand
V, II V	Việt Nam

*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi theo từng nơi.

Đôi lời về vấn đề an toàn

Sự an toàn của bạn và những người xung quanh là rất quan trọng. Điều khiển xe an toàn cũng là một trọng trách.

Để giúp bạn điều khiển xe an toàn, chúng tôi đã cung cấp thông tin về quy trình vận hành và các thông tin khác ở các nhãn mác trên xe và trong tài liệu Hướng dẫn sử dụng này. Những thông tin này sẽ cảnh báo cho bạn về những nguy cơ tiềm ẩn có thể gây nguy hiểm cho bạn và người khác.

Tuy nhiên, khó có thể cảnh báo cho bạn về tất cả những nguy hiểm có thể gặp phải khi điều khiển hay thực hiện bảo dưỡng chiếc xe này. Do đó, bạn phải tự đưa ra những quyết định của riêng mình.

Bạn có thể tìm thấy những thông tin an toàn quan trọng ở một số dạng, bao gồm:

- Nhãn an toàn dán trên xe
- Thông điệp an toàn nằm sau một biểu tượng cảnh báo  và một trong ba từ: NGUY HIỂM, CẢNH BÁO hoặc CHÚ Ý. Ba từ này có ý nghĩa như sau:

NGUY HIỂM

Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo các chỉ dẫn này.

CẢNH BÁO

Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo các chỉ dẫn này.

CHÚ Ý

Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG TÍCH nếu không thực hiện theo các chỉ dẫn này.

Những thông tin quan trọng khác được cung cấp dưới tiêu đề sau:

LƯU Ý

Thông tin này được cung cấp với mục đích giúp bạn tránh làm hỏng xe, các tài sản khác, hoặc làm ảnh hưởng đến môi trường.

Nội dung

An toàn xe máy T. 2

Hướng dẫn vận hành T. 18

Bảo dưỡng T. 66

Tìm kiếm hư hỏng T. 103

Thông tin T. 115

Thông số kỹ thuật T. 128

Mục lục T. 132

An toàn xe máy

Phần này bao gồm những thông tin quan trọng liên quan đến việc lái xe an toàn.
Vui lòng đọc kỹ những thông tin này.

Hướng dẫn về an toàn	T. 3
Nhãn hình ảnh.....	T. 6
Cảnh báo về an toàn.....	T. 10
Cảnh báo khi lái xe	T. 11
Phụ kiện & cải tạo xe.....	T. 16
Trọng tải	T. 17

Hướng dẫn về an toàn

Làm theo những hướng dẫn sau đây để đảm bảo an toàn:

- Thực hiện kiểm tra định kỳ theo hướng dẫn trong tài liệu này.
- Tắt máy và để xe tránh xa khu vực có lửa hoặc tia lửa trước khi đổ xăng.
- Không nổ máy ở nơi đóng kín hoàn toàn hoặc đóng kín một phần. Khí cacbon monoxit trong khí xả của động cơ là chất độc hại, có thể gây chết người.

Luôn đội mũ bảo hiểm

Thực tế đã chứng minh: đội mũ bảo hiểm và mặc trang phục bảo hộ làm giảm đáng kể số lượng và mức độ thương tích ở đầu và các tổn thương khác. Vì vậy, luôn đội mũ bảo hiểm đạt chuẩn và mặc trang phục bảo hộ thích hợp. 📺 T. 10

Trước khi lái xe

Hãy đảm bảo rằng bạn có đủ sức khỏe, tinh thần tỉnh táo, không uống rượu, bia hoặc sử

dụng chất kích thích trước khi lái xe. Hãy đảm bảo bạn và người ngồi sau đều đội mũ bảo hiểm đạt chuẩn và mặc trang phục bảo hộ. Hướng dẫn người ngồi sau để tay lên hông người lái hoặc giữ dây đai yên, nghiêng cùng hướng với người lái khi rẽ, đặt chân lên thanh gác chân ngay cả khi dừng xe.

Dành thời gian để học lái xe và tập lái

Kể cả khi bạn đã từng lái một chiếc xe khác, hãy tập lái ở nơi an toàn để làm quen với xe này, học cách vận hành và điều khiển xe để quen dần với kích thước và trọng lượng của xe.

Lái xe một cách thận trọng

Luôn chú ý đến các phương tiện xung quanh, không nên cho rằng những người xung quanh đều nhìn thấy bạn. Luôn sẵn sàng để dừng xe hoặc tránh các chương ngại vật đúng lúc.

Hãy để người khác dễ nhìn thấy bạn

Hãy mặc quần áo có phản quang khi đi đường đặc biệt vào ban đêm để người khác dễ dàng nhìn thấy bạn, bật đèn báo trước khi rẽ hoặc chuyển làn đường để cho người khác chú ý đến bạn và sử dụng còi khi cần thiết.

Điều khiển xe trong giới hạn cho phép

Không chạy xe vượt quá khả năng của bạn và điều kiện cho phép. Thể trạng mệt mỏi và mất tập trung có thể làm ảnh hưởng đến khả năng đánh giá tình huống và lái xe an toàn của bạn.

Không lái xe khi uống rượu, bia hoặc sử dụng chất kích thích

Không điều khiển xe khi đã uống rượu, bia hoặc sử dụng chất kích thích. Chỉ một chút rượu, bia cũng có thể làm giảm khả năng phản ứng với các điều kiện thay đổi và càng uống nhiều, khả năng phản ứng với tình huống của bạn càng kém. Sử dụng chất kích thích sẽ gây tác hại tương tự. Do vậy, không

được lái xe khi đã uống rượu, bia hoặc sử dụng chất kích thích và không để người đi cùng điều khiển xe khi đã uống rượu, bia hoặc sử dụng chất kích thích.

Giữ xe ở điều kiện an toàn

Bảo dưỡng xe đúng cách và giữ xe ở tình trạng an toàn là điều rất quan trọng. Kiểm tra xe trước khi lái và thực hiện bảo dưỡng xe theo đúng lịch bảo dưỡng trong tài liệu này. Không được chở quá trọng tải cho phép (T. 17), và không được cải tạo hoặc lắp thêm phụ kiện làm cho xe mất an toàn (T. 16).

Khi gặp sự cố trên đường

An toàn tính mạng là ưu tiên hàng đầu khi gặp sự cố. Nếu bạn hoặc bất kỳ ai khác bị thương, hãy đánh giá mức độ nghiêm trọng của vết thương và xem liệu có đủ an toàn để tiếp tục lái xe không. Gọi cấp cứu ngay nếu cần. Thực hiện theo luật và quy định của địa phương khi có người hoặc phương tiện khác có liên quan đến tai nạn.

Nếu vẫn muốn tiếp tục lái xe, trước tiên phải vặn khóa điện sang vị trí  (Off), sau đó đánh giá tình trạng xe. Kiểm tra rò rỉ dầu/dung dịch, kiểm tra tình trạng siết chặt của các ốc và bu lông quan trọng, sau đó kiểm tra hoạt động của tay lái, các cần điều khiển, phanh và bánh xe. Lái xe thật chậm và cẩn thận.

Xe của bạn có thể bị hư hỏng ở bộ phận nào đó mà mắt thường không thể nhìn thấy được. Hãy mang xe đến một trạm sửa chữa uy tín để kiểm tra toàn bộ xe càng sớm càng tốt.

Khí độc cacbon monoxit

Khí xả của động cơ có chứa khí cacbon monoxit không màu, không mùi, độc hại. Hít phải khí này có thể gây bất tỉnh và có thể dẫn đến tử vong.

Nếu vận hành động cơ ở khu vực đóng kín hoàn toàn hoặc đóng kín một phần, bạn có thể hít phải một lượng khí cacbon monoxit độc hại.

Tuyệt đối không nổ máy ở trong gara hoặc khu vực đóng kín.

CẢNH BÁO

Nổ máy ở khu vực đóng kín hoàn toàn hoặc thậm chí một phần cũng có thể nhanh chóng sinh ra khí cacbon monoxit độc hại.

Hít phải loại khí không màu, không mùi này có thể gây bất tỉnh và có thể dẫn đến tử vong.

Chỉ nổ máy ở khu vực ngoài trời được thông gió tốt.

Nhãn hình ảnh

Các trang sau mô tả ý nghĩa của nhãn. Một số nhãn cảnh báo cho bạn về những mối nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây thương tích nghiêm trọng. Một số nhãn khác cung cấp thông tin an toàn quan trọng. Hãy đọc kỹ những thông tin này và không được bỏ bê nhãn.

Nếu nhãn bị bong hoặc khó đọc thì hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay thế.

Mỗi nhãn có chứa một biểu tượng cụ thể. Ý nghĩa của từng biểu tượng và nhãn như sau.



Hãy đọc kỹ các hướng dẫn có trong sách hướng dẫn sử dụng.



Hãy đọc kỹ các hướng dẫn có trong sách hướng dẫn bảo trì. Vì sự an toàn của bạn, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để bảo dưỡng và sửa chữa.



NGUY HIỂM (có nền màu ĐỎ)

Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo các chỉ dẫn này.

CẢNH BÁO (có nền màu CAM)

Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG nếu không thực hiện theo các chỉ dẫn này.

CHÚ Ý (có nền màu VÀNG)

Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG TÍCH nếu không thực hiện theo các chỉ dẫn này.

Kiểu III FO, IV FO, U, II U



Kiểu KO, II KO, PH, II PH, TH, II TH, V, II V



Kiểu MA, II MA



NHÃN BÌNH ĐIỆN NGUY HIỂM

- Để bình điện cách xa lửa và tia lửa. Bình điện sinh ra khí có thể gây nổ.
- Đeo kính bảo hộ và găng tay cao su khi xử lý bình điện. Nếu không, bạn có thể bị bỏng hoặc hỏng mắt do dung dịch điện phân trong bình điện.
- Tuyệt đối không để trẻ em và người khác chạm vào bình điện trừ khi họ hiểu rất rõ cách xử lý thích hợp và những nguy cơ của bình điện.
- Phải thật cẩn thận khi xử lý dung dịch điện phân trong bình điện do dung dịch này có chứa axit sunfuric loãng. Để dung dịch này tiếp xúc với da hoặc mắt có thể gây bỏng hoặc hỏng mắt.
- Hãy đọc kỹ và hiểu rõ hướng dẫn sử dụng này trước khi xử lý bình điện. Việc không thực hiện theo các hướng dẫn có thể gây thương tích cho người và làm hư hỏng xe.
- Không sử dụng bình điện có dung dịch điện phân ngang bằng hoặc thấp hơn vạch dưới vì khi đó bình điện có thể phát nổ và gây thương tích nghiêm trọng.



NHÃN NẤP KÉT TẢN NHIỆT NGUY HIỂM

Kiểu III FO, IV FO, MA, II MA

TUYỆT ĐỐI KHÔNG ĐƯỢC MỞ KHI NÓNG.

Dung dịch làm mát còn nóng sẽ làm bạn bị bỏng.

Van xả áp bắt đầu mở ở **1,1 kgf/cm²**.

THÔNG TIN LỚP & NHÃN XÍCH TẢI

Kiểu III FO, IV FO, PH, II PH, U, II U, V, II V

Áp suất lốp khi nguội:

[Chỉ người lái]

Trước **250 kPa (2.50 kgf/cm², 36 psi)**

Sau **290 kPa (2.90 kgf/cm², 42 psi)**

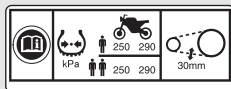
[Người lái và người ngồi sau]

Trước **250 kPa (2.50 kgf/cm², 36 psi)**

Sau **290 kPa (2.90 kgf/cm², 42 psi)**

Điều chỉnh và bôi trơn xích.

Độ chùng xích **25 - 35 mm (1.0 - 1.4 in)**





NHÃN NHẮC NHỞ VỀ AN TOÀN

Kiểu III FO, IV FO, U, II U

Để bảo vệ bản thân, hãy luôn đội mũ bảo hiểm và mặc trang phục bảo hộ.

NHÃN NHIÊN LIỆU

Kiểu III FO, IV FO, U, II U

Chỉ sử dụng xăng không chì

Dung tích ETHANOL không quá 10%

Cảnh báo về an toàn

- Lái xe một cách cẩn thận và để tay ở trên tay lái, chân để trên thanh gác chân.
- Tay của người ngồi sau phải bám vào dây đai yên hoặc ngang hông người lái, chân của người ngồi sau phải đặt trên thanh gác chân khi đi xe.
- Luôn chú ý đến vấn đề an toàn của cả người lái, người ngồi sau và các phương tiện khác.

Trang phục bảo hộ

Hãy đảm bảo rằng bạn và người ngồi sau phải đội mũ bảo hiểm đạt chuẩn, đeo kính bảo hộ và mặc quần áo bảo hộ có màu sắc dễ nhìn. Tránh sử dụng quần áo rộng vì có thể bị vướng vào bộ phận nào đó của xe. Lái xe một cách cẩn thận để kịp thời ứng phó với điều kiện đường sá và thời tiết.

Mũ bảo hiểm

Sử dụng mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn về an toàn, có màu sắc dễ nhận biết, vừa vặn với đầu

- Mũ không những phải vừa vặn với đầu mà còn phải đảm bảo an toàn, có quai đeo sát cằm.
- Kính che mặt phải bảo vệ mắt và không được che khuất tầm nhìn

CẢNH BÁO

Không đội mũ bảo hiểm sẽ làm tăng khả năng bị thương hoặc tử vong khi bị tai nạn.

Hãy đảm bảo rằng bạn và người ngồi sau phải luôn đội mũ bảo hiểm đạt tiêu chuẩn và mặc trang phục bảo hộ thích hợp.

I Găng tay

Sử dụng găng tay da che kín các ngón tay và có khả năng chống trầy xước

I Giày bảo hộ

Sử dụng giày bảo hộ có đế chống trượt và bảo vệ mắt cá chân

I Áo khoác và quần dài

Sử dụng loại áo khoác dài tay, có màu sắc dễ nhận biết và quần dài chất liệu bền dành cho việc lái xe (hoặc mặc trang phục bảo hộ)

Cảnh báo khi lái xe**Thời gian chạy rà**

Trong 500 km (300 dặm) đầu tiên, hãy tuân theo những hướng dẫn sau để đảm bảo độ ổn định và hiệu suất của xe trong tương lai.

- Tránh khởi động hết ga và tăng tốc nhanh.
- Tránh phanh gấp và về số nhanh.
- Lái xe cẩn thận.

LƯU Ý

Nổ máy tại chỗ trong thời gian dài có thể làm hỏng động cơ do điều kiện làm mát và bôi trơn không đảm bảo.

Phanh

Lưu ý những điểm sau:

- Tránh phanh và về số quá gấp.
 - ▶ Phanh gấp có thể làm giảm độ ổn định của xe.
 - ▶ Nếu có thể, hãy giảm tốc trước khi rẽ, nếu không xe có thể bị trượt.
- Đặc biệt chú ý khi đi trên bề mặt ít ma sát.
 - ▶ Lốp xe rất dễ bị trượt khi đi trên những bề mặt như vậy và khoảng cách phanh sẽ dài hơn.
- Tránh phanh liên tục.
 - ▶ Phanh liên tục, ví dụ khi đi xuống dốc dài, cao có thể gây quá nhiệt hệ thống phanh, làm giảm hiệu quả phanh. Sử dụng phanh động cơ cùng với sử dụng phanh ngắt quãng để giảm tốc độ.
- Để phanh đạt hiệu quả tối ưu, hãy sử dụng đồng thời cả phanh trước và phanh sau.

■ Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

Mẫu xe này được trang bị hệ thống chống bó cứng phanh (ABS), giúp ngăn không cho phanh bị khóa cứng trong khi phanh gấp.

- ABS không làm giảm khoảng cách phanh. Trong một số trường hợp nhất định, ABS có thể dẫn đến khoảng cách dừng dài hơn.
- ABS không hoạt động ở tốc độ dưới 10 km/h (6 mph).
- Tay phanh và bàn đạp phanh có thể giật nhẹ khi phanh. Điều này là bình thường.
- Luôn sử dụng loại lốp trước/sau và không tải được khuyến nghị để đảm bảo ABS hoạt động đúng.

Phanh động cơ

Phanh động cơ giúp cho xe chạy chậm lại khi bạn nhả tay ga. Để chạy chậm hơn, hãy về số thấp hơn. Sử dụng phanh động cơ cùng với sử dụng phanh ngắt quãng để giảm tốc độ khi đi xuống dốc dài, cao.

Điều kiện thời tiết ẩm ướt và mưa nhiều

Bề mặt đường rất dễ bị trơn trượt khi bị ẩm ướt và phanh bị ẩm cũng làm giảm hiệu quả của phanh.

Cần đặc biệt chú ý khi phanh ở những khu vực này.

Nếu phanh bị ướt, hãy sử dụng phanh trong khi lái xe ở tốc độ thấp để giúp làm khô phanh.

Dừng xe

- Dừng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
- Nếu buộc phải đỗ xe trên bề mặt dốc hoặc không chắc chắn, hãy đỗ xe sao cho xe không di chuyển hoặc bị đổ.
- Hãy đảm bảo rằng không có vật liệu dễ cháy ở gần các chi tiết có nhiệt độ cao.
- Không chạm vào khu vực gần động cơ, ống xả, phanh hoặc các chi tiết có nhiệt độ cao khác cho đến khi những chi tiết này nguội hẳn.
- Để giảm thiểu nguy cơ mất trộm, luôn nhớ khóa tay lái và rút chìa khóa ra khi rời khỏi xe.
Sử dụng thiết bị chống trộm được khuyến cáo.

I Dừng xe bằng chân chống nghiêng

1. Tắt máy.
2. Gạt chân chống nghiêng xuống.
3. Từ từ nghiêng xe sang bên trái cho đến khi trọng lượng xe dồn hết về phía chân chống nghiêng.
4. Quay hết tay lái sang trái.
 - Quay tay lái sang bên phải làm giảm độ ổn định và có thể làm đổ xe.
5. Vận khóa điện sang vị trí  (Lock) và rút chìa khóa. ➡ T. 54

Hướng dẫn đổ xăng và lựa chọn loại xăng

Làm theo hướng dẫn sau để bảo vệ động cơ, hệ thống nhiên liệu và bộ chuyển đổi chất xúc tác:

- Chỉ sử dụng loại xăng không chì.
- Sử dụng xăng có chỉ số ốctan khuyến dùng. Sử dụng xăng có chỉ số ốctan thấp hơn loại khuyến dùng sẽ làm giảm tính năng hoạt động của động cơ.
- Không sử dụng xăng có chứa tỉ lệ cồn quá cao. ➡ T. 126
- Không sử dụng xăng đã cũ, bẩn hoặc hỗn hợp xăng pha nhớt.
- Tránh để bụi bẩn hoặc nước lọt vào bên trong bình xăng.

Hệ thống kiểm soát lực kéo Honda

Khi hệ thống kiểm soát lực kéo Honda phát hiện hiện tượng bánh sau quay trượt nhanh khi tăng tốc, hệ thống sẽ giới hạn lực kéo tác dụng vào bánh sau.

Hệ thống kiểm soát lực kéo không hoạt động khi giảm tốc và sẽ không ngăn bánh sau trượt do phanh động cơ. Không đột ngột giảm ga, đặc biệt khi đang di chuyển trên các mặt đường trơn trượt.

Hệ thống kiểm soát lực kéo không thể bù đắp lại cho các điều kiện đường gồ ghề hoặc tăng tốc nhanh. Luôn chú ý đến điều kiện đường sá và thời tiết, cũng như kỹ năng và tình trạng sức khỏe của bạn trước khi tăng tốc.

Nếu xe của bạn bị kẹt trong bùn, tuyết hoặc cát, có thể sẽ thoát khỏi tình trạng này dễ hơn bằng cách tạm thời tắt hệ thống kiểm soát lực kéo.

Tạm thời tắt hệ thống kiểm soát lực kéo cũng giúp bạn duy trì khả năng kiểm soát và thăng bằng khi lái xe trên đường địa hình xấu, hiểm trở.

Luôn sử dụng các loại lốp và không tải được khuyến cáo nhằm đảm bảo hệ thống kiểm soát lực kéo hoạt động chính xác.

Phụ kiện & cải tạo xe

Chúng tôi đặc biệt khuyến cáo bạn không nên lắp phụ kiện không chính hãng Honda lên xe hoặc cải tạo xe làm thay đổi thiết kế ban đầu của xe vì có thể gây mất an toàn cho xe.

Ngoài ra, việc cải tạo xe làm thay đổi thiết kế ban đầu của xe có thể sẽ khiến cho xe không được bảo hành và bị coi là bất hợp pháp khi sử dụng trên đường công cộng. Trước khi quyết định có nên lắp thêm phụ kiện cho xe hay không, hãy đảm bảo rằng việc điều chỉnh này là an toàn và hợp pháp.

CẢNH BÁO

Lắp thêm phụ kiện hoặc cải tạo xe không đúng cách có thể dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc dẫn đến tử vong.

Làm theo những hướng dẫn về việc điều chỉnh và lắp thêm phụ kiện trong sách hướng dẫn sử dụng này.

Không gắn thêm rơ moóc hoặc thùng xe phụ để kéo theo xe. Xe không được thiết kế để kéo, sử dụng xe với mục đích này có thể gây ảnh hưởng lớn tới việc điều khiển xe.

Trọng tải

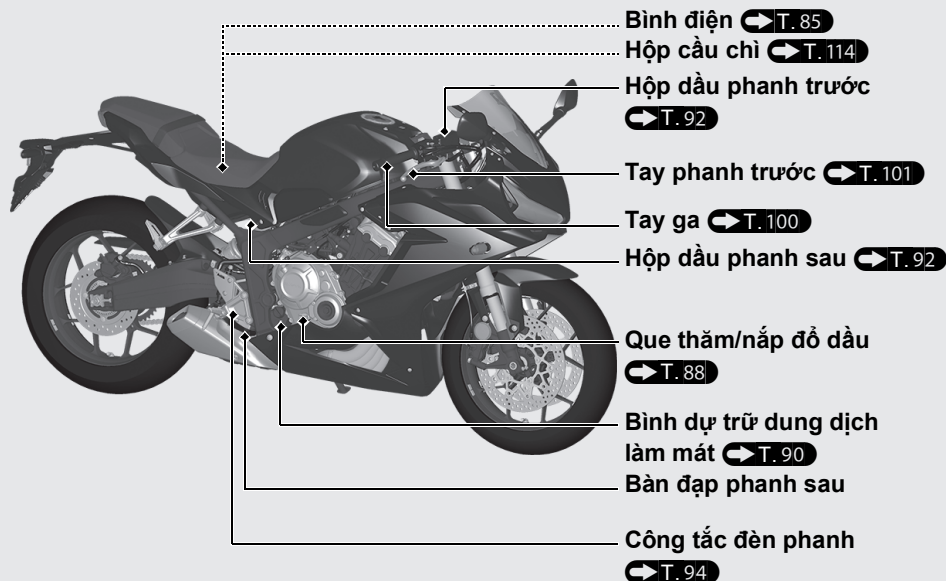
- Chở quá trọng tải sẽ làm cản trở khả năng điều khiển, khả năng phanh và độ ổn định của xe.
Luôn lái xe ở tốc độ an toàn khi xe có tải.
- Tránh chở quá trọng tải và luôn giữ trọng tải ở mức giới hạn cho phép.
Khối lượng trọng tải tối đa  T. 128
- Buộc toàn bộ hành lý thật chặt, cân bằng và càng gần chính giữa xe càng tốt.
- Không để đồ ở gần đèn hoặc ống xả.

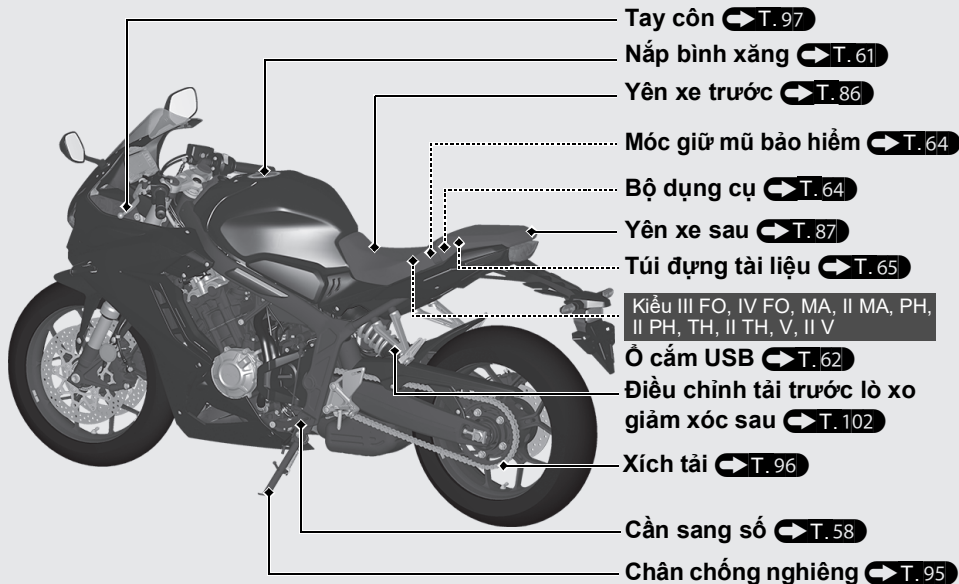
CẢNH BÁO

Chở quá tải hoặc chở không đúng cách sẽ có thể dẫn đến tai nạn và gây thương tích nghiêm trọng hoặc dẫn đến tử vong.

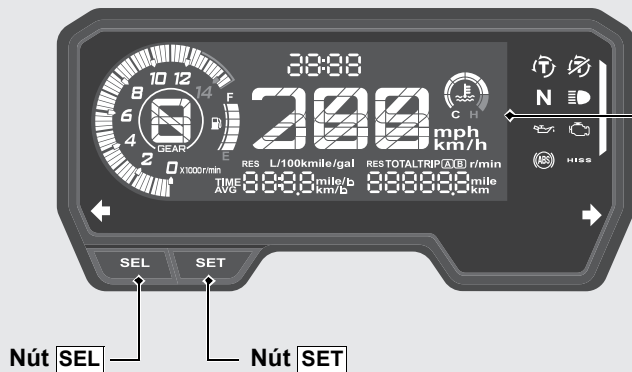
Tuân theo hướng dẫn về trọng tải và giới hạn trọng tải trong tài liệu này.

Vị trí các bộ phận





Bảng đồng hồ



Kiểm tra màn hình hiển thị

Khi vặn khóa điện sang vị trí **I** (On), các hiển thị ban đầu sẽ xuất hiện. Nếu có bất kỳ thành phần nào không sáng như đúng chức năng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đồng hồ đo tốc độ động cơ vùng màu đỏ
(tốc độ động cơ quá cao)

Đồng hồ (hiển thị 12 giờ hoặc 24 giờ)
Để cài đặt đồng hồ: ➡ T.33

Đồng hồ tốc độ



Vùng hiển thị B
➡ T.27

Vùng hiển thị A ➡ T.23

Đèn báo vị trí số

Vị trí số hiển thị trên đèn báo vị trí số.

► Màn hình hiển thị “-” khi không sang số đúng cách.

Đồng hồ đo tốc độ động cơ

LƯU Ý

Không vận hành động cơ ở vùng màu đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ.
Tốc độ động cơ quá cao có thể ảnh hưởng xấu đến tuổi thọ của động cơ.

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Đồng hồ nhiệt độ dung dịch làm mát

Khi nhiệt độ dung dịch làm mát vượt quá quy định, vạch H sẽ nhấp nháy.

Nếu vạch H nhấp nháy khi đang lái xe: ➡ T.105

Nếu đèn báo nhiệt độ dung dịch làm mát nhấp nháy: ➡ T.111



Đồng hồ báo xăng

Lượng xăng dự trữ trong bình khi vạch thứ 1 (E) bắt đầu nhấp nháy: chỉ còn xấp xỉ 3,2 L (0.85 US gal, 0.70 Imp gal)

Nếu đèn báo xăng liên tục nhấp nháy hoặc tắt: ➡ T.110

LƯU Ý

Bạn nên đổ xăng khi đèn báo xăng về gần vạch E (vạch thứ 1). Chạy xe trong tình trạng hết xăng có thể làm động cơ hoạt động bất thường/bỏ máy, gây hư hỏng cho bộ chuyển đổi chất xúc tác.



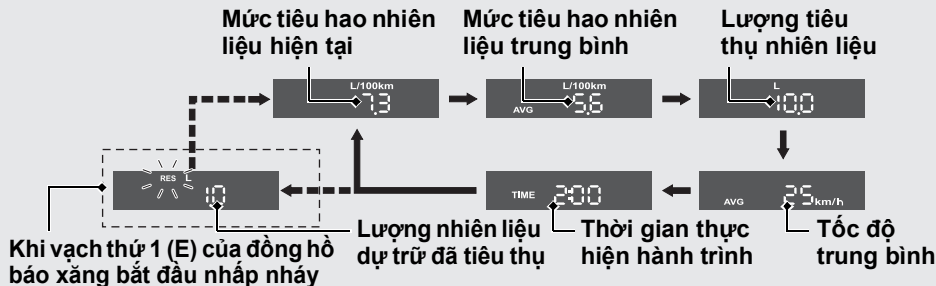
Vùng hiển thị A

Bạn có thể chọn các hiển thị sau:

- Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại
- Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình [AVG]
- Lượng tiêu thụ nhiên liệu
- Tốc độ trung bình [AVG]
- Thời gian thực hiện hành trình [TIME]
- Lượng nhiên liệu dự trữ đã tiêu thụ [RES]

Thay đổi vùng hiển thị A

Với nút **[SEL]**, bạn có thể chuyển đổi vùng hiển thị A giữa các hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình, lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình, thời gian thực hiện hành trình và lượng nhiên liệu dự trữ đã tiêu thụ.



Khi vạch thứ 1 (E) của đồng hồ báo xăng bắt đầu nhấp nháy, mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình, lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình hoặc thời gian thực hiện hành trình đang hiển thị sẽ chuyển sang lượng nhiên liệu dự trữ đã tiêu thụ.

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại

Hiện thị mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại.

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 300,0 L/100km (km/L, dặm/gal hoặc dặm/L)

- Cao hơn 300,0 L/100km (km/L, dặm/gal hoặc dặm/L), màn hình hiển thị: "300.0".
- Khi tốc độ xe dưới 6 km/h (4 mph), màn hình hiển thị: "---.-".

Khi màn hình hiển thị "---.-" trong các trường hợp khác, hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình [AVG]

Hiện thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình đã chọn. Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình sẽ được tính dựa trên giá trị hiển thị trên đồng hồ đo hành trình (A hoặc B) đã chọn.

Đồng thời, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình hành trình A cũng sẽ được hiển thị khi chọn đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình A, đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số và đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ.

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 300,0 L/100km (km/L, dặm/gal hoặc dặm/L)

- Cao hơn 300,0 L/100km (km/L, dặm/gal hoặc dặm/L), màn hình hiển thị: "300.0".
- Khi đồng hồ đo hành trình A hoặc B được cài đặt lại, màn hình hiển thị: "---.-".

Khi màn hình hiển thị "---.-" trong các trường hợp khác, hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Để cài đặt lại mức tiêu hao nhiên liệu trung bình: ➡ T. 29

Lượng tiêu thụ nhiên liệu

Hiển thị lượng tiêu thụ nhiên liệu kể từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình đã chọn. Lượng tiêu thụ nhiên liệu sẽ được tính dựa trên giá trị hiển thị trên đồng hồ đo hành trình (A hoặc B) đã chọn.

Đồng thời, lượng tiêu thụ nhiên liệu của đồng hồ đo hành trình A cũng sẽ được hiển thị khi chọn đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình A, đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số và đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ.

Khoảng hiển thị: 0,0 đến 300,0 L hoặc 0,0 đến 300,0 gal

- Cao hơn 300,0 L hoặc 300,0 gal, màn hình hiển thị: "300.0".

Khi màn hình hiển thị "---.-", hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Để cài đặt lại lượng tiêu thụ nhiên liệu:

➡ T.29

Tốc độ trung bình [AVG]

Hiển thị tốc độ trung bình kể từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình đã chọn.

Tốc độ trung bình sẽ được tính dựa trên giá trị hiển thị trên đồng hồ đo hành trình (A hoặc B) đã chọn.

Đồng thời, tốc độ trung bình cho đồng hồ đo hành trình A cũng sẽ được hiển thị khi chọn đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình A, đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số và đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ.

Khoảng hiển thị:

0 đến 299 km/h (0 đến 185 mph)

- Hiển thị ban đầu: "---".
- Khi quãng đường xe đi được dưới 0,2 km (0,12 dặm) kể từ khi khởi động động cơ, màn hình hiển thị: "---".
- Khi thời gian vận hành xe dưới 30 giây kể từ khi khởi động động cơ, màn hình hiển thị: "---".

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Khi màn hình hiển thị "---" trong các trường hợp khác, hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Để cài đặt lại tốc độ trung bình: ➡ T.29

Thời gian thực hiện hành trình [TIME]

Hiển thị thời gian vận hành kể từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình đã chọn.

Thời gian thực hiện hành trình sẽ được tính dựa trên giá trị hiển thị trên đồng hồ đo hành trình (A hoặc B) đã chọn.

Đồng thời, thời gian thực hiện hành trình cho đồng hồ đo hành trình A cũng sẽ được hiển thị khi chọn đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình A, đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số và đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ.

Khoảng hiển thị: 0:00 đến 99:59 (giờ:phút)

- Thời gian thực hiện hành trình sẽ quay về 0:00 khi giá trị trên đồng hồ vượt quá 99:59.

Để cài đặt lại thời gian thực hiện hành trình: ➡ T.29

Lượng nhiên liệu dự trữ đã tiêu thụ [RES]

Hiển thị lượng tiêu thụ nhiên liệu kể từ khi vạch thứ 1 (E) của đồng hồ báo xăng bắt đầu nhấp nháy.

Khi vạch thứ 1 (E) của đồng hồ báo xăng bắt đầu nhấp nháy, mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình, lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình hoặc thời gian thực hiện hành trình đang hiển thị sẽ chuyển sang lượng nhiên liệu dự trữ đã tiêu thụ. Bạn cần đổ xăng càng sớm càng tốt.

- Nhấp nháy từ "0.0" L hoặc gal.

► Khi lượng xăng đã tiêu hao nhiều hơn 1,6 L (0.42 US gal, 0.35 Imp gal), biểu tượng "RES" trên màn hình sẽ nhấp nháy nhanh hơn.

Sau khi đổ xăng nhiều hơn lượng dự trữ, màn hình sẽ trở về màn hình thông thường.

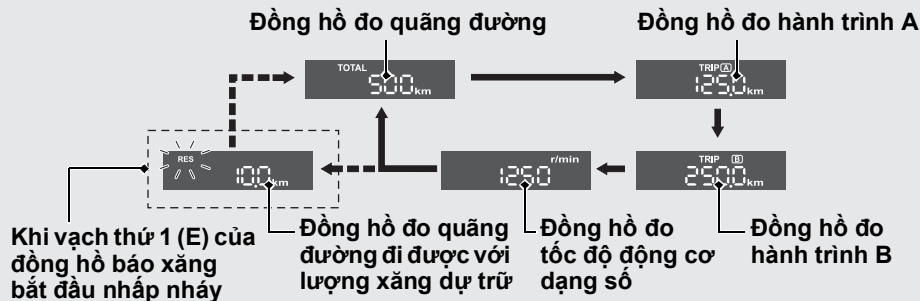
Vùng hiển thị B

Bạn có thể chọn các hiển thị sau:

- Đồng hồ đo quãng đường [TOTAL]
- Đồng hồ đo hành trình [TRIP A/B]
- Đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số
- Đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ [RES]

Thay đổi vùng hiển thị B

Với nút **SET**, bạn có thể chuyển đổi vùng hiển thị B giữa đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình A, đồng hồ đo hành trình B, đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số và đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ.



Khi vạch thứ 1 (E) của đồng hồ báo xăng bắt đầu nhấp nháy, đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình hoặc đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số sẽ chuyển sang đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ.

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Đồng hồ đo quãng đường [TOTAL]

Hiển thị tổng quãng đường xe đã đi.

Khi màn hình hiển thị “-----”, hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đồng hồ đo hành trình [TRIP A/B]

Hiển thị quãng đường xe đi được tính từ khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình.

Khi màn hình hiển thị “-----.”, hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình:

➡ T.29

Đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số

Hiển thị số vòng quay động cơ.

Khoảng hiển thị: 0 đến 15.000 vòng/phút (rpm)

Đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ [RES]

Hiển thị quãng đường xe đi được kể từ khi vạch thứ 1 (E) của đồng hồ báo xăng bắt đầu nhấp nháy.

Khi vạch thứ 1 (E) của đồng hồ báo xăng bắt đầu nhấp nháy, đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình hoặc đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số sẽ chuyển sang đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ. Bạn cần đổ xăng càng sớm càng tốt.

Khi màn hình hiển thị “-----.”, hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra. Sau khi đổ xăng nhiều hơn lượng dự trữ, màn hình sẽ trở về màn hình thông thường.

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình [TRIP A/B], mức tiêu hao nhiên liệu trung bình [AVG], lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình [AVG] và thời gian thực hiện hành trình

Để thiết lập lại đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình A, lượng tiêu thụ nhiên liệu A, tốc độ trung bình A và thời gian thực hiện hành trình A (thông số dựa trên đồng hồ đo hành trình A) cùng lúc, hãy ấn và giữ nút **SET** trong khi đồng hồ đo hành trình A đang hiển thị.

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình A



Đồng hồ đo hành trình A

Lượng tiêu thụ nhiên liệu A



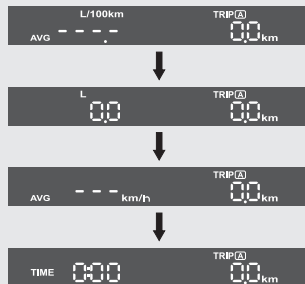
Tốc độ trung bình A



Thời gian thực hiện hành trình A



Khi được cài đặt lại, màn hình hiển thị cài đặt lại sẽ xuất hiện tại từng chỉ số. Sau đó, màn hình chuyển về chỉ số đã chọn gần nhất. Đồng thời, đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình, lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình và thời gian thực hiện hành trình cũng sẽ được tự động cài đặt lại khi bạn đỗ xe nhiều hơn lượng dự trữ và lái xe được 0,1 km (0,06 dặm). Bạn có thể kích hoạt hoặc ngắt kích hoạt chế độ cài đặt lại tự động bằng cách đỗ xe. ➡ T.35



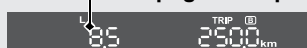
Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Để thiết lập lại đồng hồ đo hành trình B, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình B, lượng tiêu thụ nhiên liệu B, tốc độ trung bình B và thời gian thực hiện hành trình B (thông số dựa trên đồng hồ đo hành trình B) cùng lúc, hãy ấn và giữ nút **SET** trong khi đồng hồ đo hành trình B đang hiển thị.

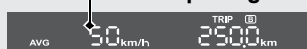
Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình B



Lượng tiêu thụ nhiên liệu B



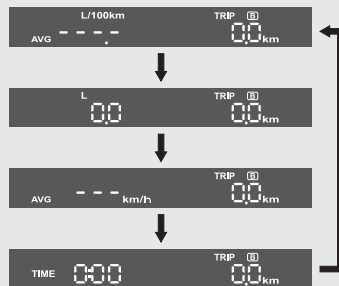
Tốc độ trung bình B



Thời gian thực hiện hành trình B



Khi được cài đặt lại, màn hình hiển thị cài đặt lại sẽ xuất hiện tại từng chỉ số. Sau đó, màn hình chuyển về chỉ số đã chọn gần nhất.



Cài đặt màn hình hiển thị

Chế độ cài đặt A

Các mục sau có thể thay đổi theo trình tự.

➡ T.32

- Cài đặt định dạng thời gian
- Cài đặt đồng hồ
- Điều chỉnh độ sáng đèn bảng đồng hồ
- Kích hoạt/ngắt kích hoạt chế độ cài đặt lại tự động đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình, lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình và thời gian thực hiện hành trình
- Cài đặt đèn báo hệ thống HISS
- Thay đổi đơn vị tốc độ và quãng đường
- Thay đổi đơn vị đồng hồ báo mức tiêu hao nhiên liệu

Chế độ cài đặt B

Các mục sau có thể thay đổi theo trình tự.

➡ T.37

- Cài đặt đèn báo REV
 - Cài đặt tốc độ động cơ
 - Cài đặt khoảng tốc độ động cơ
 - Điều chỉnh độ sáng
- Thay đổi chế độ hiển thị đồng hồ đo tốc độ động cơ

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

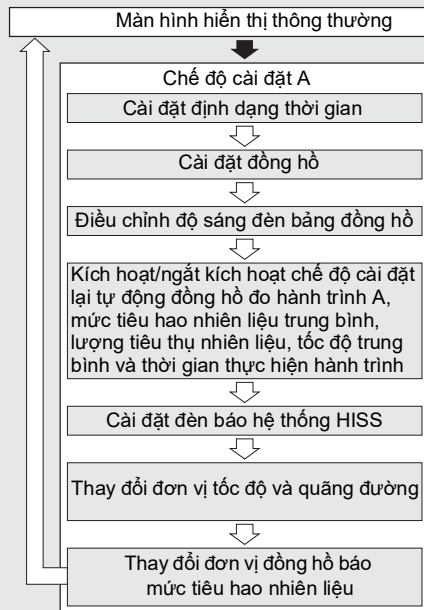
Chế độ cài đặt A

Nếu không ấn các nút trong vòng khoảng 30 giây, màn hình chế độ cài đặt sẽ tự động chuyển sang màn hình hiển thị thông thường.

Nếu không ấn các nút trong vòng khoảng 30 giây, các mục đang cài đặt sẽ bị hủy, chỉ có các mục đã cài đặt xong sẽ được áp dụng. Khi vặn khóa điện sang vị trí **○ (Off)**, các mục đang cài đặt và các mục đã cài đặt xong sẽ được áp dụng.

➡ Ấn và giữ nút **SEL** và nút **SET**

⇨ Ấn nút **SET**



1 Cài đặt định dạng thời gian:

Bạn có thể chuyển đổi định dạng thời gian giữa 12 giờ hoặc 24 giờ.

- ➊ Vận khóa điện sang vị trí I (On).
- ➋ Ấn và giữ nút **[SEL]** và nút **[SET]** cho đến khi định dạng thời gian hiện tại bắt đầu nhấp nháy.



- ➌ Ấn nút **[SEL]** để chọn “12hr” hoặc “24hr”.



- ➍ Ấn nút **[SET]**. Định dạng thời gian được cài đặt, và sau đó màn hình hiển thị chuyển sang cài đặt đồng hồ.

2 Cài đặt đồng hồ:

- ➊ Ấn nút **[SEL]** cho đến khi số giờ mong muốn hiển thị.
▶ Ấn và giữ nút **[SEL]** để chuyển số giờ nhanh.



- ➋ Ấn nút **[SET]**. Số phút bắt đầu nhấp nháy.



Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

- ③ Ấn nút **[SEL]** cho đến khi số phút mong muốn hiển thị.
- ▶ Ấn và giữ nút **[SEL]** để chuyển nhanh số phút.



- ④ Ấn nút **[SET]**. Đồng hồ được cài đặt, và sau đó màn hình hiển thị chuyển sang điều chỉnh độ sáng đèn bảng đồng hồ.

3 Điều chỉnh độ sáng đèn bảng đồng hồ:

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng theo một trong năm mức.

- ① Ấn nút **[SEL]**. Độ sáng thay đổi.
- ▶ Bạn có thể điều chỉnh độ sáng theo năm mức.



- ② Ấn nút **[SET]**. Đèn bảng đồng hồ được cài đặt, và sau đó màn hình hiển thị chuyển sang kích hoạt/ngắt kích hoạt chế độ cài đặt lại tự động đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình, lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình và thời gian thực hiện hành trình.

4 Kích hoạt/ngắt kích hoạt chế độ cài đặt lại tự động đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình, lượng tiêu thụ nhiên liệu, tốc độ trung bình và thời gian thực hiện hành trình:

Bạn có thể kích hoạt hoặc ngắt kích hoạt chế độ cài đặt lại tự động bằng cách đổ xăng sau khi vạch thứ 1 (E) của đồng hồ báo xăng bắt đầu nhấp nháy. Cài đặt ban đầu là trạng thái kích hoạt.

- 1 Ấn nút **SEL** để chọn “ON”(kích hoạt) hoặc “OFF” (ngắt kích hoạt) trong chế độ cài đặt lại tự động.



- 2 Ấn nút **SET**. Kích hoạt/ngắt kích hoạt chế độ cài đặt lại tự động được thiết lập, và sau đó màn hình hiển thị chuyển sang cài đặt đèn báo hệ thống HISS (đèn báo hệ thống HISS sáng).

5 Cài đặt đèn báo hệ thống HISS:

- 1 Ấn nút **SEL** để chọn “ON”(nhấp nháy) hoặc “OFF” (tắt) trong chế độ cài đặt hệ thống HISS.



- 2 Ấn nút **SET**. Đèn báo hệ thống HISS được cài đặt, và sau đó màn hình hiển thị chuyển sang thay đổi đơn vị tốc độ và quãng đường.

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

6 Thay đổi đơn vị tốc độ và quãng đường:

- 1 Ấn nút **[SEL]** để chọn “km/h” và “km” hoặc “mph” và “mile”.



- 2 Ấn nút **[SET]**. Đơn vị tốc độ và quãng đường được cài đặt, và sau đó màn hình hiển thị chuyển sang thay đổi đơn vị đồng hồ báo mức tiêu hao nhiên liệu.

7 Thay đổi đơn vị đồng hồ báo mức tiêu hao nhiên liệu:

- 1 Khi chọn đơn vị tốc độ là “km/h” và đơn vị quãng đường là “km”

Ấn nút **[SEL]** để chọn “L/100km” hoặc “km/L”.



Khi chọn đơn vị tốc độ là “mph” và đơn vị quãng đường là “mile”

Ấn nút **[SEL]** để chọn “mile/L” (dặm/L) hoặc “mile/gal” (dặm/gal).

► Khi chọn “mile/gal” (dặm/gal), đơn vị đo lượng tiêu thụ nhiên liệu sẽ được đổi thành “gal”.



- 2 Ấn nút **[SET]**. Đơn vị đồng hồ báo mức tiêu hao nhiên liệu được cài đặt, và sau đó màn hình chuyển sang màn hình hiển thị thông thường.

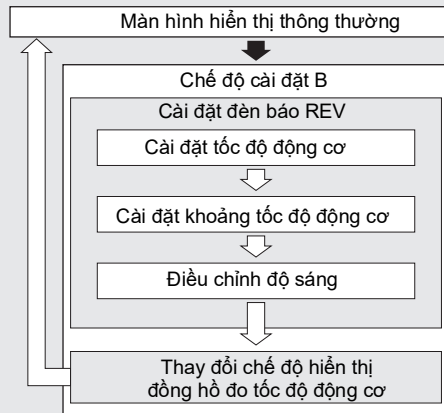
Chế độ cài đặt B

Nếu không ấn các nút trong vòng khoảng 30 giây, màn hình chế độ cài đặt sẽ tự động chuyển sang màn hình hiển thị thông thường.

Nếu không ấn các nút trong vòng khoảng 30 giây, các mục đang cài đặt sẽ bị hủy, chỉ có các mục đã cài đặt xong sẽ được áp dụng. Khi vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off), các mục đang cài đặt và các mục đã cài đặt xong sẽ được áp dụng.

➡ Ấn và giữ nút **SEL** trong khi vặn khóa điện sang vị trí **I** (On) cho đến khi các hiển thị ban đầu kết thúc

➡ Ấn nút **SET**

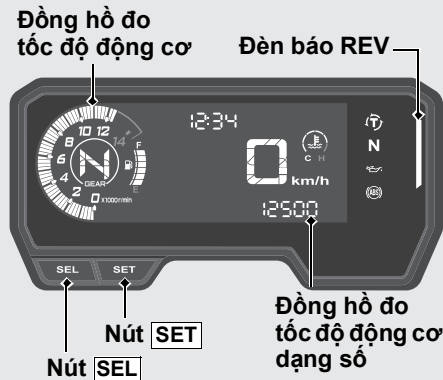


Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

1 Cài đặt đèn báo REV:

Bạn có thể thay đổi cài đặt của đèn báo REV.

Đèn báo REV nhấp nháy khi đang cài đặt.



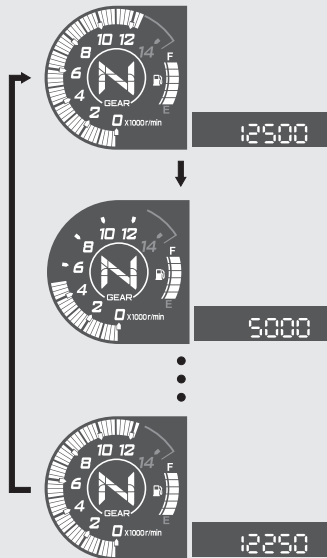
- 1 Để thay đổi chế độ cài đặt B, vặn khóa điện sang vị trí **I** (On), đồng thời ấn nút **SEL** cho đến khi các hiển thị ban đầu kết thúc. Màn hình hiển thị sẽ chuyển sang cài đặt "Tốc độ động cơ mà đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất". Cùng lúc đó, đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số và vạch chia đang nhấp nháy hiển thị giá trị đang cài đặt hiện tại của "Tốc độ động cơ mà đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất".

► Vạch đồng hồ đo tốc độ động cơ chỉ nhấp nháy khi đang cài đặt đèn báo REV.

- 2 Mỗi lần ấn nút **SEL**, giá trị cài đặt của “Tốc độ động cơ mà đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất” sẽ tăng lên một mức (250 vòng/phút (rpm)). Nếu giá trị cài đặt của “Tốc độ động cơ mà đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất” vượt quá 12.500 vòng/phút (rpm), giá trị cài đặt này sẽ tự động quay lại 5.000 vòng/phút (rpm).
 ► Ấn và giữ nút **SEL** để tăng nhanh giá trị cài đặt của “Tốc độ động cơ mà đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất”.

Khoảng cài đặt cho phép
 5.000 đến 12.500 vòng/phút (rpm)

Đồng hồ đo tốc độ động cơ **Đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số**



Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

- 3 Ấn nút **SET**. “Tốc độ động cơ mà đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất” được cài đặt, và sau đó màn hình hiển thị sẽ chuyển sang cài đặt “Khoảng tốc độ động cơ mà đèn báo REV thay đổi kiểu nhấp nháy”. Cùng lúc đó, đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số cũng sẽ được hiển thị giá trị cài đặt hiện tại của “Khoảng tốc độ động cơ mà đèn báo REV thay đổi kiểu nhấp nháy” và vòng đo tốc độ động cơ dạng vạch chia đang nhấp nháy hiển thị giá trị đang cài đặt hiện tại của “Tốc độ động cơ mà đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất”.

- 4 Mỗi lần ấn nút **SEL**, giá trị của “Khoảng tốc độ động cơ mà đèn báo REV thay đổi kiểu nhấp nháy” tăng như sau: 250 vòng/phút (rpm), 500 vòng/phút (rpm), 750 vòng/phút (rpm), 1.000 vòng/phút (rpm) và 0 vòng/phút (rpm).

Đồng hồ đo tốc độ động cơ



Đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số



Ví dụ: Tốc độ động cơ mà đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất: 12.500 vòng/phút (rpm)
Khoảng tốc độ động cơ mà đèn báo REV thay đổi kiểu nhấp nháy: 250 vòng/phút (rpm)

Đèn báo REV	Tốc độ động cơ (vòng/phút)
Nhấp nháy	12.000 vòng/phút (rpm)
Nhấp nháy nhanh	12.250 vòng/phút (rpm)
Nhấp nháy nhanh nhất	12.500 vòng/phút (rpm)

Nếu “Khoảng tốc độ động cơ mà đèn báo REV thay đổi kiểu nhấp nháy” là 0, đèn báo REV sẽ nhấp nháy khi đạt đến giá trị cài đặt của “Tốc độ động cơ mà đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất”.

- 5 Ấn nút **SET**. “Khoảng tốc độ động cơ mà đèn báo REV thay đổi kiểu nhấp nháy” được cài đặt, sau đó màn hình hiển thị sẽ chuyển sang điều chỉnh độ sáng của đèn báo REV.
Đèn báo REV chuyển từ nhấp nháy sang sáng.

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

⑥ Ấn nút **SEL**. Độ sáng thay đổi.

► Bạn có thể điều chỉnh độ sáng theo năm mức.



⑦ Ấn nút **SET**. Độ sáng của đèn báo REV được cài đặt, sau đó màn hình sẽ chuyển sang cài đặt màn hình hiển thị của đồng hồ đo tốc độ động cơ.

2 Thay đổi chế độ hiển thị đồng hồ đo tốc độ động cơ:

Bạn có thể thay đổi chế độ hiển thị của đồng hồ đo tốc độ động cơ.

① Ấn nút **SEL** để thay đổi chế độ hiển thị của đồng hồ đo tốc độ động cơ.

② Ấn nút **SET**. Chế độ hiển thị đang được chọn sẽ được cài đặt, sau đó màn hình sẽ chuyển sang màn hình hiển thị thông thường.

Màn hình hiển thị thông thường

Hiển thị tốc độ động cơ dạng vạch chia trên vòng đo tốc độ động cơ.

Màn hình hiển thị giá trị cao nhất

Hiển thị tốc độ động cơ dạng vạch chia trên vòng đo tốc độ động cơ và vạch giá trị cao nhất.

Màn hình hiển thị thông thường



Vòng đo tốc độ động cơ dạng vạch chia

Màn hình hiển thị giá trị cao nhất



Vạch giá trị cao nhất

Bảng đồng hồ (Tiếp theo)

Vạch giá trị cao nhất duy trì hiển thị tốc độ động cơ cao nhất tạm thời.

Ví dụ: Số vòng quay động cơ
10.000 vòng/phút (rpm)

Màn hình hiển thị thông thường



Màn hình hiển thị giá trị cao nhất

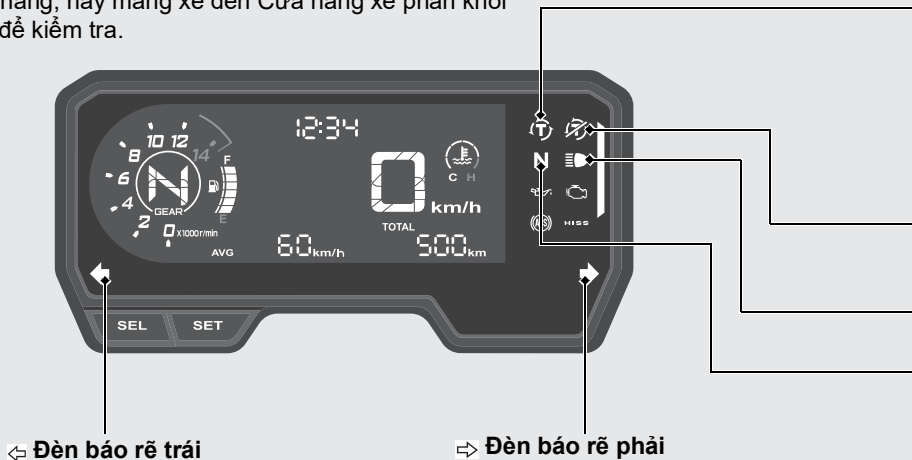


Vòng đo tốc độ động cơ dạng vạch chia

Vạch giá trị cao nhất

Các đèn báo

Nếu có một đèn báo nào không hiển thị trên màn hình theo đúng chức năng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.



Đèn báo hệ thống kiểm soát lực kéo

- Đèn sáng khi vận khóa điện sang vị trí I (On). Đèn tắt khi tốc độ đạt khoảng 5 km/h (3 mph) để thông báo hệ thống kiểm soát lực kéo sẵn sàng hoạt động.
- Đèn nhấp nháy khi hệ thống kiểm soát lực kéo hoạt động.

Nếu đèn này sáng trong khi lái xe: ➡ T. 109

Đèn báo TẮT hệ thống kiểm soát lực kéo

- Đèn sáng khi hệ thống kiểm soát lực kéo tắt.

Đèn báo chế độ chiếu xa

Đèn báo số N

Đèn sáng khi hộp số ở vị trí số N.

Các đèn báo (Tiếp theo)



Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)

- Đèn sáng khi vặn khóa điện sang vị trí I (On).
- Đèn tắt khi tốc độ đạt khoảng 10 km/h (6 mph).

Nếu đèn này sáng trong khi lái xe:  T.108

Đèn báo áp suất dầu thấp

- Đèn sáng khi vận khóa điện sang vị trí **I** (On).
- Đèn tắt khi động cơ khởi động.

Nếu đèn này sáng khi động cơ đang hoạt động: ➡ T.106

Đèn báo lỗi hệ thống PGM-FI (Phun xăng điện tử) (MIL)

Kiểu MA, II MA, PH, II PH, TH, II TH, U, II U, V, II V

Đèn sáng trong giây lát khi vận khóa điện sang vị trí **I** (On) với công tắc ngắt động cơ ở vị trí **○** (Run). Đèn sáng khi vận khóa điện sang vị trí **I** (On) với công tắc ngắt động cơ ở vị trí **✕** (Stop).

Kiểu III FO, IV FO, KO, II KO

Đèn sáng trong giây lát khi vận khóa điện sang vị trí **I** (On).

Nếu đèn này sáng hoặc nhấp nháy khi động cơ đang hoạt động: ➡ T.107

Đèn báo hệ thống HISS ➡ T.104

- Đèn sáng trong giây lát khi vận khóa điện sang vị trí **I** (On).
- Đèn nhấp nháy 2 giây một lần trong 24 giờ khi vận khóa điện sang vị trí **○** (Off).

Các đèn báo *(Tiếp theo)*

Đèn báo REV

- Đèn sáng trong giây lát khi vặn khóa điện sang vị trí I (On).

Cài đặt ban đầu

Tốc độ động cơ mà đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất: 12.500 vòng/phút (rpm)

Khoảng tốc độ động cơ mà đèn báo REV thay đổi kiểu nhấp nháy: 250 vòng/phút (rpm)

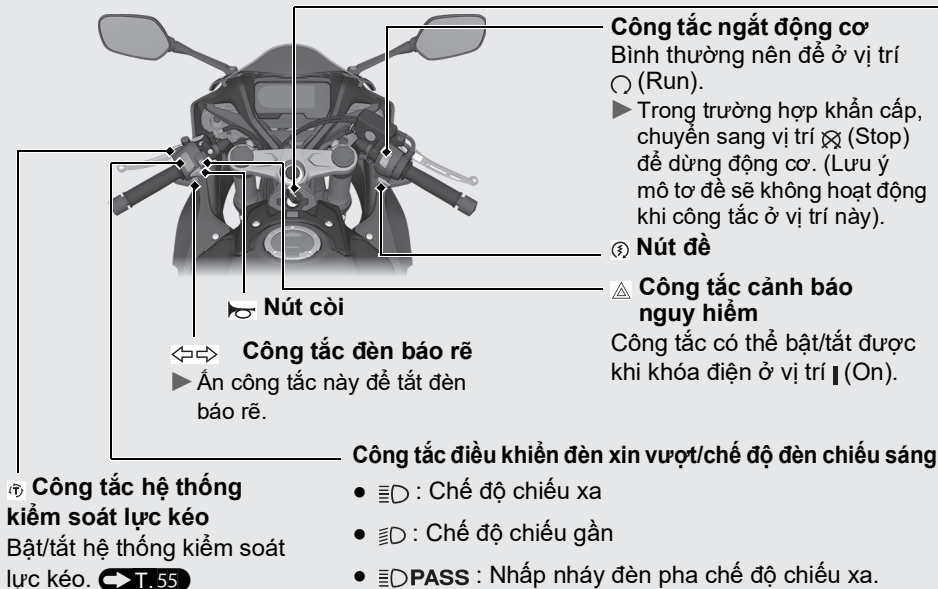
Đèn báo REV	Tốc độ động cơ (vòng/phút)
Nhấp nháy	12.000 vòng/phút (rpm)
Nhấp nháy nhanh	12.250 vòng/phút (rpm)
Nhấp nháy nhanh nhất	12.500 vòng/phút (rpm)

Để thiết lập cài đặt tốc độ động cơ mà đèn báo REV nhấp nháy nhanh nhất: ➡ T. 38

Để thiết lập cài đặt khoảng tốc độ động cơ mà đèn báo REV thay đổi kiểu nhấp nháy:

➡ T. 40

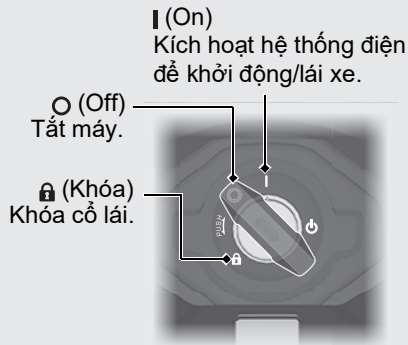
Các công tắc



⚡ Khóa điện

Bật/tắt hệ thống điện, khóa cổ lái.

- Có thể rút chìa khóa ra khi khóa điện ở vị trí ○ (Off) hoặc 🔒 (Lock).



Các công tắc (Tiếp theo)

Khóa cổ lái

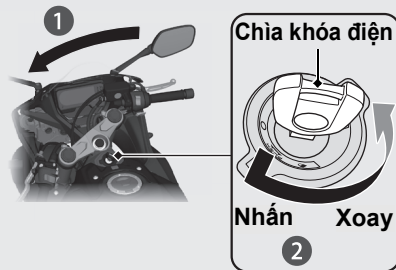
Hãy khóa cổ lái khi đỗ xe để chống trộm. Nên sử dụng khóa hình chữ U hoặc loại tương tự để khóa bánh xe.

Khóa

- 1 Xoay hết tay lái sang bên trái.
- 2 Ấn chìa khóa xuống rồi vặn khóa điện sang vị trí  (Lock).
 - ▶ Lắc nhẹ tay lái nếu thấy khóa không vặn hết được.
- 3 Rút chìa khóa.

Mở khóa

Cắm chìa khóa vào ổ khóa, ấn và vặn khóa điện sang vị trí  (Off).



Hệ thống kiểm soát lực kéo Honda

Bạn có thể bật/tắt hệ thống kiểm soát lực kéo (kiểm soát công suất động cơ).

- ▶ Không vận hành công tắc hệ thống kiểm soát lực kéo khi đang lái xe.
Hãy dừng xe trước rồi mới tắt hoặc bật hệ thống kiểm soát lực kéo.
- ▶ Không thể tắt hệ thống kiểm soát lực kéo khi hệ thống này đang hoạt động (đèn báo hệ thống kiểm soát lực kéo đang nhấp nháy).
- ▶ Mỗi lần vận khóa điện sang vị trí I (On), hệ thống kiểm soát lực kéo sẽ tự động bật.

Bật và tắt hệ thống kiểm soát lực kéo

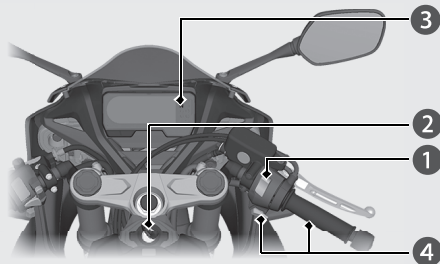
Bạn có thể bật và tắt hệ thống kiểm soát lực kéo bằng cách ấn và giữ công tắc hệ thống kiểm soát lực kéo.

Công tắc hệ thống kiểm soát lực kéo



Khởi động động cơ

Khởi động động cơ theo quy trình sau đây bất kể động cơ đang nóng hay nguội.

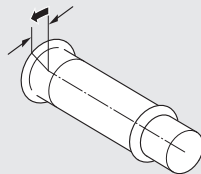


LƯU Ý

- Nếu động cơ không khởi động trong vòng 5 giây, vận khóa điện sang vị trí **○** (Off) và đợi 10 giây rồi mới khởi động lại động cơ để phục hồi điện áp bình điện.
- Để xe nổ cầm chừng quá lâu hoặc vận ga liên tục có thể làm hỏng động cơ và hệ thống xả.
- Vận mạnh tay ga hoặc chạy cầm chừng nhanh trong khoảng hơn 5 phút có thể khiến ống xả bị đổi màu.

- 1 Hãy đảm bảo rằng công tắc ngắt động cơ ở vị trí **○** (Run).
- 2 Vận khóa điện sang vị trí **I** (On).
- 3 Chuyển số về vị trí số N (đèn báo **N** sáng). Hoặc có thể bóp tay côn để khởi động khi xe đã vào số và đã gạt chân chống nghiêng lên.
- 4 Ấn nút đề. Lưu ý không vận tay ga.
 - Nếu bạn không thể khởi động động cơ, hãy mở nhẹ tay ga (khoảng 3 mm (0.1 in), không tính hành trình tự do) và ấn nút đề.

Khoảng 3 mm (0.1 in), không tính hành trình tự do



Nếu động cơ không khởi động:

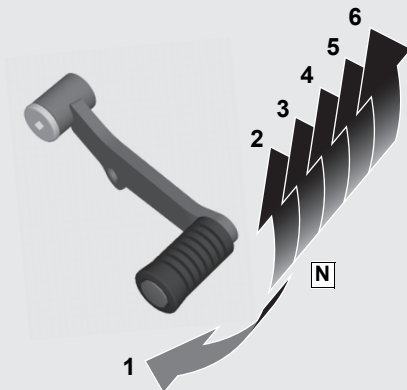
- ① Vặn hết tay ga và ấn nút đề khoảng 5 giây.
- ② Lặp lại quy trình khởi động như bình thường.
- ③ Nếu động cơ khởi động nhưng tốc độ cảm chừng không ổn định, vặn ga nhẹ nhàng.
- ④ Nếu động cơ không khởi động, đợi 10 giây trước khi thử lại các bước ① & ②.

Nếu động cơ không khởi động

➡ T. 104

Sang số

Xe được trang bị hộp số 6 cấp. Ấn bàn đạp xuống để vào số 1, gẩy (móc) bàn đạp lên để chuyển sang các số còn lại.



Nếu bạn vào số khi chân chống nghiêng đang hạ xuống, động cơ sẽ ngừng hoạt động.

Tín hiệu dừng khẩn cấp

Tín hiệu dừng khẩn cấp hoạt động khi hệ thống phát hiện tình trạng phanh gấp ở tốc độ từ 50 km/h (31 mph) trở lên để cảnh báo với các phương tiện phía sau là bạn đang phanh gấp bằng cách nhấp nháy nhanh cả hai đèn báo rẽ. Điều này có thể giúp báo hiệu cho các phương tiện phía sau bạn tìm biện pháp phù hợp để tránh va chạm có thể xảy ra.

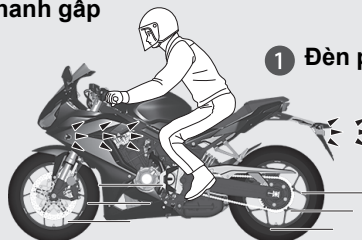
Khi hệ thống hoạt động:

Tín hiệu dừng khẩn cấp sẽ dừng hoạt động khi:

- Bạn nhả phanh.
- Hệ thống ABS bị ngắt kích hoạt.
- Xe giảm tốc độ về mức trung bình.
- Bạn ấn công tắc cảnh báo nguy hiểm.



1 Phanh gấp



1 Đèn phanh sáng

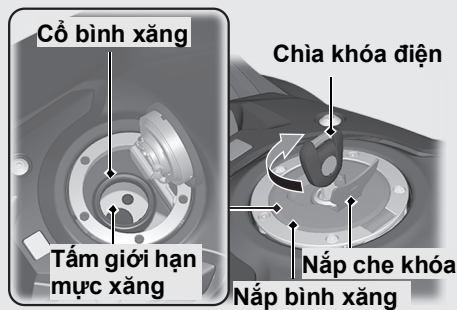
2 Cả hai đèn báo rẽ nhấp nháy

2 Cả hai đèn tín hiệu và đèn báo rẽ nhấp nháy

Tín hiệu dừng khẩn cấp *(Tiếp theo)*

- ▶ Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn ngừa các va chạm phía sau khi bạn phanh gấp. Cần tránh phanh gấp trừ trường hợp thực sự cần thiết.
- ▶ Tín hiệu dừng khẩn cấp không hoạt động khi ấn công tắc cảnh báo nguy hiểm.
- ▶ Nếu ABS dừng hoạt động trong thời gian nhất định khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể sẽ không hoạt động.

Đổ xăng



Không đổ xăng quá tầm giới hạn mực xăng.

Loại xăng: Chỉ sử dụng xăng không chì

Chỉ số ốc tan: Xe này được thiết kế để sử dụng loại xăng có chỉ số ốc tan khuyến dùng (RON) 91 hoặc cao hơn.

Ngoại trừ kiểu V, II V

Dung tích bình xăng:

15,4 L (4.07 US gal, 3.39 Imp gal)

Kiểu V, II V

Dung tích bình xăng:

15 L (4.0 US gal, 3.3 Imp gal)

Hướng dẫn lựa chọn loại xăng và đổ xăng ➡ T. 14

Mở nắp bình xăng

Mở nắp che khóa, cắm chìa khóa điện vào và vặn theo chiều kim đồng hồ để mở nắp bình xăng.

Đóng nắp bình xăng

- 1 Sau khi đổ xăng, ấn nắp bình xăng xuống cho đến khi khóa.
- 2 Rút chìa khóa điện và đóng nắp che khóa.
▶ Không thể rút chìa khóa điện ra nếu nắp bình xăng chưa được khóa.

⚠ CẢNH BÁO

Xăng là chất dễ cháy nổ. Bạn có thể bị bỏng hoặc thương tích nghiêm trọng khi xử lý xăng.

- Tắt máy và để động cơ tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa và đám cháy.
- Xử lý xăng ở ngoài trời.
- Lau sạch chỗ xăng tràn ngay lập tức.

Ổ cắm USB

Kiểu III FO, IV FO, MA, II MA, PH, II PH, TH, II TH, V, II V

Ổ cắm USB nằm dưới yên xe trước. ➤ T. 86

Bạn phải chịu mọi rủi ro khi sử dụng các thiết bị USB. Honda không chịu trách nhiệm về bất kỳ hư hỏng nào đối với thiết bị USB trong quá trình sử dụng.

Chỉ kết nối thiết bị USB có thông số kỹ thuật sau đây.

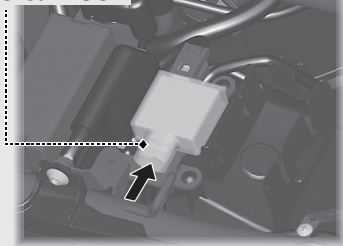
Công suất định mức của USB kiểu C:

15 W (5 V, 3,0 A)

Để kết nối thiết bị USB của bạn

- 1 Tháo yên xe trước. ➤ T. 86
- 2 Kết nối cáp USB được chứng nhận vào ổ cắm.

Ổ cắm USB



- ▶ Để tránh bình điện bị yếu (hoặc cạn), hãy để động cơ chạy trong khi sử dụng điện từ ổ cắm.
- ▶ Không để các vật lạ và nước lọt vào trong ổ cắm.
- ▶ Cố định cẩn thận tất cả các thiết bị đã kết nối vì rung động có thể làm hỏng hoặc làm thiết bị bất ngờ tuột ra.

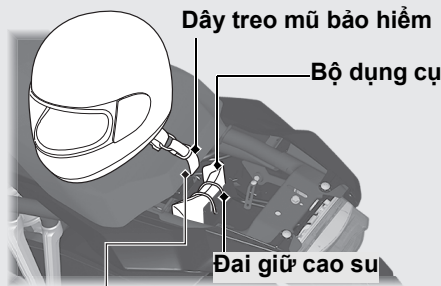
LƯU Ý

- Sử dụng các thiết bị USB sinh nhiệt hoặc thiết bị USB có định mức không phù hợp có thể làm hỏng ổ cắm.
- Không sử dụng ổ cắm USB trong điều kiện ẩm ướt, khi vệ sinh xe hoặc bất kỳ điều kiện ẩm ướt nào khác vì sẽ làm hỏng ổ cắm USB.
- Không để dây USB bị kẹp hoặc bị kẹt.
- Không để dây USB vướng vào cổ lái hoặc các nút điều khiển.

Hộp đựng đồ

Móc giữ mũ bảo hiểm và bộ dụng cụ

Móc giữ mũ bảo hiểm nằm ở bên dưới của yên xe trước. Bộ dụng cụ và dây treo mũ bảo hiểm (trong bộ dụng cụ) được đặt dưới yên xe sau.



Dây treo mũ bảo hiểm

Móc giữ mũ bảo hiểm

Dây treo mũ bảo hiểm

Vòng D móc mũ bảo hiểm

- Chỉ sử dụng móc giữ mũ bảo hiểm khi đỗ xe.

Tháo yên xe sau ➡ T. 87

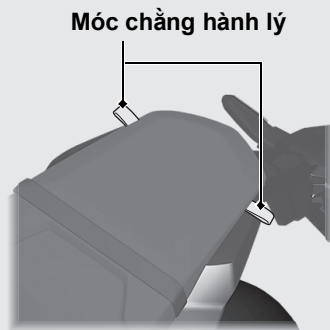
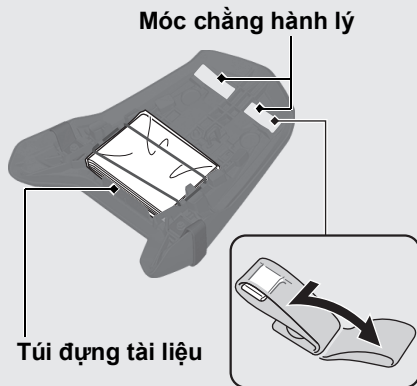
⚠ CẢNH BÁO

Treo mũ bảo hiểm vào móc khi lái xe có thể gây cản trở khả năng vận hành xe an toàn và dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Chỉ sử dụng móc giữ mũ bảo hiểm khi đỗ xe. Không lái xe khi mũ bảo hiểm vẫn được treo ở móc.

Túi đựng tài liệu và móc chằng hành lý

Túi đựng tài liệu và móc chằng hành lý nằm ở mặt dưới của yên xe sau.



Tuyệt đối không sử dụng các móc chằng để kéo hoặc nâng xe.

Tháo yên xe sau ➡ T. 87

Bảo dưỡng

Vui lòng đọc kỹ phần “Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng” và “Những nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản” trước khi thực hiện công việc bảo dưỡng. Tham khảo phần “Thông số kỹ thuật” về dữ liệu sửa chữa.

Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng	T. 67
Lịch bảo dưỡng	T. 68
Những nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản... T. 73	
Bộ dụng cụ	T. 84
Tháo & lắp các bộ phận thân xe.....	T. 85
Bình điện	T. 85
Yên xe trước	T. 86
Yên xe sau	T. 87
Dầu động cơ.....	T. 88
Dung dịch làm mát.....	T. 90
Phanh.....	T. 92
Chân chống nghiêng	T. 95

Xích tải	T. 96
Côn/Ly hợp	T. 97
Tay ga.....	T. 100
Các điều chỉnh khác	T. 101
Điều chỉnh tay phanh	T. 101
Điều chỉnh giảm xóc sau	T. 102

Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng

Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng

Bảo dưỡng xe đúng cách là điều kiện thiết yếu để đảm bảo cho sự an toàn của bạn, giúp tiết kiệm chi phí sửa chữa xe, giúp động cơ đạt được hiệu suất hoạt động tốt nhất, tránh xảy ra hỏng hóc và giảm mức độ ô nhiễm không khí. Bảo dưỡng xe là trách nhiệm của người sử dụng. Hãy đảm bảo kiểm tra xe trước khi lái và thực hiện kiểm tra xe định kỳ theo đúng Lịch bảo dưỡng. ➡ T. 68

CẢNH BÁO

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không khắc phục lỗi trước khi lái có thể dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn thực hiện theo những hướng dẫn về lịch kiểm tra và bảo dưỡng xe trong tài liệu Hướng dẫn sử dụng này.

An toàn bảo dưỡng

Luôn đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi thực hiện công việc bảo dưỡng và đảm bảo rằng bạn có đủ dụng cụ, phụ tùng thay thế và có kỹ năng sửa chữa cần thiết. Chúng tôi không thể cảnh báo hết cho bạn tất cả những mối nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định được liệu bạn có nên thực hiện mục bảo dưỡng đó hay không.

Làm theo những hướng dẫn sau mỗi khi thực hiện công việc bảo dưỡng.

- Tắt máy và rút chìa khóa ra.
- Dựng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn bằng chân chống nghiêng hoặc chân chống đỡ để hỗ trợ.
- Hãy để động cơ, ống xả, phanh và các chi tiết nhiệt độ cao khác nguội hẳn trước khi sửa chữa để tránh bị bỏng.
- Chỉ nổ máy khi được hướng dẫn và ở nơi thông thoáng.

Lịch bảo dưỡng

Lịch bảo dưỡng đưa ra những yêu cầu bảo dưỡng cần thiết để đảm bảo an toàn cho người sử dụng, giúp cho xe đạt được tính năng hoạt động đáng tin cậy và kiểm soát khí xả hợp lý.

Bảo dưỡng phải tuân theo đúng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật của Honda đưa ra, phải được thực hiện bởi những kỹ thuật viên do Honda đào tạo và được trang bị các dụng cụ sửa chữa cần thiết. Cửa hàng xe phân khối lớn Honda là nơi có thể đáp ứng được tất cả các yêu cầu trên. Hãy ghi chép lại chính xác quá trình bảo dưỡng để đảm bảo chiếc xe của bạn được bảo dưỡng đầy đủ, đúng cách. Hãy đảm bảo rằng người thực hiện công việc bảo dưỡng xe cho bạn đã ghi đầy đủ thông tin vào tờ phiếu bảo dưỡng.

Tất cả công việc bảo dưỡng theo lịch sẽ được coi là chi phí vận hành thông thường của chủ xe và bạn cần trả chi phí này cho Cửa hàng xe phân khối lớn Honda. Hãy giữ lại tất cả các hóa đơn. Nếu bán xe, hãy chuyển giao những hóa đơn này cho chủ xe mới.

Honda khuyến cáo Cửa hàng xe phân khối lớn Honda cần chạy thử xe cho bạn sau mỗi lần kiểm tra bảo dưỡng định kỳ.

Kiểu III FO, IV FO, KO, II KO, U, II U

Mục bảo dưỡng	Kiểm tra xe trước khi lái T. 73	Tần suất *1						Kiểm tra hàng năm	Thay thế định kỳ	Tham khảo trang
		× 1.000 km	1	12	24	36	48			
		× 1.000 dặm	0,6	8	16	24	32			
Đường ống xăng				K	K	K	K	K		-
Mức xăng		K								61
Hoạt động của tay ga		K		K	K	K	K	K		100
Lọc gió *2					T		T			-
Bugì					K		T			-
Khe hở xu páp						K				-
Dầu động cơ		K	T	T	T	T	T	T		-
Bộ lọc dầu động cơ			T		T		T			-
Tốc độ cầm chừng động cơ				K	K	K	K	K		-
Dung dịch làm mát két tản nhiệt *3		K		K	K	K	K	K	3 năm	90
Hệ thống làm mát				K	K	K	K	K		-
Hệ thống cấp khí phụ					K		K			-
Hệ thống kiểm soát khí xả *4					K		K			-

Mức độ bảo dưỡng

- : Trung bình. Chúng tôi khuyên bạn nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda bảo dưỡng xe giúp bạn nếu bạn không có đủ dụng cụ và kỹ năng cơ khí cần thiết. Quy trình này được cung cấp trong cuốn Hướng dẫn bảo trì chính thức của Honda.
- : Phức tạp (đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật). Vì sự an toàn của bạn, hãy để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda bảo dưỡng xe cho bạn.

Chú thích về bảo dưỡng

- K** : Kiểm tra (vệ sinh, điều chỉnh, bôi trơn hoặc thay thế nếu cần)
- B** : Bôi trơn
- T** : Thay thế

Lịch bảo dưỡng

Mục bảo dưỡng		Kiểm tra xe trước khi lái T. 73	Tần suất *1						Kiểm tra hàng năm	Thay thế định kỳ	Tham khảo trang
			× 1.000 km	1	12	24	36	48			
			× 1.000 dặm	0,6	8	16	24	32			
Xích tải		K		Mỗi 1.000 km (600 dặm): K B							96
Đệm đỡ xích tải					K	K	K	K			–
Dầu phanh *3		K			K	K	K	K	K	2 năm	92
Độ mòn má phanh		K			K	K	K	K	K		93
Hệ thống phanh					K	K	K	K	K		73
Công tắc đèn phanh					K	K	K	K	K		94
Độ rọi đèn pha					K	K	K	K	K		–
Đèn/còi		K									–
Công tắc ngắt động cơ		K									–
Hệ thống ly hợp		K			K	K	K	K	K		97
Chân chống nghiêng		K			K	K	K	K	K		95
Giảm xóc	🔧				K	K	K	K	K		102
Ốc, bu lông và ốc vít	🔧				K	K	K	K	K		–
Bánh xe/lốp xe	🔧	K			K	K	K	K	K		81
Vòng bi cổ lái	🔧				K	K	K	K	K		–

Lưu ý:

*1 : Lập lại chu kỳ bảo dưỡng như trên sau mốc 48.000 km.

*2 : Bạn nên thực hiện bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu thường lái xe trong điều kiện ẩm ướt hoặc bụi bẩn.

*3 : Việc thay mới đòi hỏi phải có kỹ năng về sửa chữa.

*4 : Chỉ đối với kiểu III FO, IV FO, KO, II KO.

Kiểu MA, II MA, PH, II PH, TH, II TH, V, II V

Mục bảo dưỡng	Kiểm tra xe trước khi lái T. 73	Tần suất ^{*1}								Kiểm tra hàng năm	Thay thế định kỳ	Tham khảo trang
		× 1.000 km	1	6	12	18	24	30	36			
		× 1.000 dặm	0,6	4	8	12	16	20	24			
Đường ống xăng					K		K		K	K		-
Mức xăng		K										61
Hoạt động của tay ga		K			K		K		K	K		100
Lọc gió ^{*2}						T			T			-
Bugì			Mỗi 24.000 km (16.000 dặm): K, Mỗi 48.000 km (32.000 dặm): T									-
Khe hở xu páp									K			-
Dầu động cơ		K	T	T	T	T	T	T	T	T		-
Bộ lọc dầu động cơ			T		T		T		T			-
Tốc độ cầm chừng động cơ					K		K		K	K		-
Dung dịch làm mát kết tủa nhiệt ^{*3}		K			K		K		K	K	3 năm	90
Hệ thống làm mát					K		K		K	K		-
Hệ thống cấp khí phụ							K					-
Hệ thống kiểm soát khí xả ^{*4}							K					-

Mức độ bảo dưỡng

- : Trung bình. Chúng tôi khuyên bạn nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda bảo dưỡng xe giúp bạn nếu bạn không có đủ dụng cụ và kỹ năng cơ khí cần thiết. Quy trình này được cung cấp trong cuốn Hướng dẫn bảo trì chính thức của Honda.
- : Phức tạp (đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật). Vì sự an toàn của bạn, hãy để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda bảo dưỡng xe cho bạn.

Chú thích về bảo dưỡng

- K : Kiểm tra (vệ sinh, điều chỉnh, bôi trơn hoặc thay thế nếu cần)
- B : Bôi trơn
- T : Thay thế

Lịch bảo dưỡng

Mục bảo dưỡng	Kiểm tra xe trước khi lái T. 73	Tần suất ^{*1}								Kiểm tra hàng năm	Thay thế định kỳ	Tham khảo trang
		× 1.000 km	1	6	12	18	24	30	36			
		× 1.000 dặm	0,6	4	8	12	16	20	24			
Xích tải		Mỗi 1.000 km (600 dặm):										96
Đệm đỡ xích tải												–
Dầu phanh ^{*3}											2 năm	92
Độ mòn má phanh												93
Hệ thống phanh												73
Công tắc đèn phanh												94
Độ rọi đèn pha												–
Đèn/còi												–
Công tắc ngắt động cơ												–
Hệ thống ly hợp												97
Chân chống nghiêng												95
Giảm xóc												102
Ốc, bu lông và ốc vít												–
Bánh xe/lốp xe												81
Vòng bi cổ lái												–

Lưu ý:

^{*1} : Lập lại chu kỳ bảo dưỡng như trên sau mốc 36.000 km.

^{*2} : Bạn nên thực hiện bảo dưỡng thường xuyên hơn nếu thường lái xe trong điều kiện ẩm ướt hoặc bụi bẩn.

^{*3} : Việc thay mới đòi hỏi phải có kỹ năng về sửa chữa.

^{*4} : Chỉ đối với kiểu PH, II PH, TH, II TH, V, II V.

Kiểm tra xe trước khi lái

Để đảm bảo an toàn, bạn cần có trách nhiệm thực hiện kiểm tra xe và chắc chắn không còn trục trặc nào trước khi lái xe. Kiểm tra xe trước khi lái là nhiệm vụ bắt buộc để đảm bảo sự an toàn, bởi vì chỉ cần một hỏng hóc nhỏ như lốp xì hơi cũng có thể gây phiền hà cho bạn.

Hãy kiểm tra các mục sau đây trước khi lên xe:

- **Mức xăng** – Đổ xăng vào bình nếu cần
📖 T. 61
- **Tay ga** – Kiểm tra để đảm bảo tay ga hoạt động êm ở mọi vị trí của cổ lái, cả khi mở ga và đóng ga hoàn toàn 📖 T. 100
- **Mức dầu động cơ** – Đổ thêm dầu động cơ nếu cần. Kiểm tra xem có rò rỉ không
📖 T. 88
- **Mức dung dịch làm mát** – đổ thêm dung dịch làm mát nếu cần. Kiểm tra xem có rò rỉ không 📖 T. 90
- **Xích tải** – Kiểm tra tình trạng và độ chùng, điều chỉnh và bôi trơn nếu cần 📖 T. 96

- **Phanh** - Kiểm tra hoạt động của phanh; Phanh trước và phanh sau: kiểm tra mực dầu phanh và độ mòn má phanh 📖 T. 92, 📖 T. 93
- **Đèn và còi** – Kiểm tra đèn, đèn báo và còi xem có hoạt động đúng chức năng không.
- **Công tắc ngắt động cơ** - Kiểm tra xem có hoạt động đúng chức năng hay không
📖 T. 52
- **Ly hợp/côn** - Kiểm tra hoạt động của ly hợp/côn;
Điều chỉnh hành trình tự do nếu cần 📖 T. 97
- **Hệ thống ngắt máy bằng chân chống nghiêng** – Kiểm tra xem có hoạt động đúng chức năng hay không 📖 T. 95
- **Bánh xe và lốp xe** – Kiểm tra tình trạng, áp suất lốp và điều chỉnh nếu cần 📖 T. 81
- **Kiểm tra chắc chắn** không để các vật liệu dễ cháy mắc vào bên trong xe hoặc khu vực có ống xả.

Thay thế phụ tùng

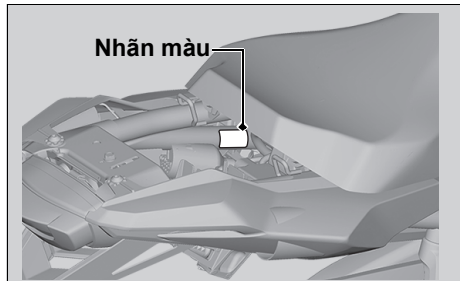
Luôn sử dụng phụ tùng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương để đảm bảo an toàn và độ bền của xe.

Kiểu KO, II KO, U, II U

Khi đặt hàng các bộ phận có màu, hãy chỉ rõ tên xe, màu sắc và mã được ghi trên nhãn màu.

Nhãn màu được dán vào khung xe bên trái. Để kiểm tra nhãn màu, hãy tháo yên xe sau.

❏ T. 87



CẢNH BÁO

Lắp phụ tùng không chính hãng Honda có thể gây mất an toàn cho xe và dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn sử dụng phụ tùng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương được thiết kế và áp dụng cho chiếc xe này.

Bình điện

Chiếc xe này sử dụng loại bình điện không cần bảo dưỡng. Không cần kiểm tra mức dung dịch điện phân hoặc đổ thêm nước cất. Hãy vệ sinh các cực bình điện nếu chúng bị bẩn hoặc bị ăn mòn.

Không được tháo dải chần nắp bình điện ra. Không cần tháo nắp bình điện khi sạc.

LƯU Ý

Bình điện của loại xe này thuộc loại không cần bảo dưỡng và có thể hỏng nếu tháo dải chần nắp bình điện.

LƯU Ý

Bình điện bị loại bỏ không đúng cách có thể gây hại cho môi trường và sức khỏe của con người. Luôn tuân thủ theo quy định của địa phương để xử lý bình điện đúng cách.

Hướng dẫn trong trường hợp khẩn cấp

Nếu một trong những hiện tượng sau xảy ra, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.

- Dung dịch điện phân bắn vào mắt:
 - ▶ Rửa mắt liên tục bằng nước mát ít nhất 15 phút. Dùng nước có áp lực có thể gây tổn thương mắt.

- Dung dịch điện phân bắn vào da:
 - ▶ Cởi bỏ quần áo đã dính dung dịch điện phân và rửa thật sạch sẽ vùng da bằng nước.
- Dung dịch điện phân bắn vào miệng:
 - ▶ Súc miệng bằng nước sạch, không được nuốt.

CẢNH BÁO

Ở điều kiện hoạt động bình thường, bình điện tạo ra khí hydro có thể gây nổ.

Do đó nếu có tia lửa, bình điện có thể nổ và tạo ra một lực đủ để làm tổn thương hoặc gây nguy hiểm đến tính mạng của bạn.

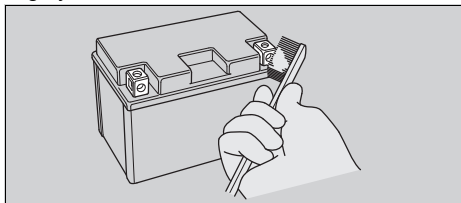
Nên để thợ có tay nghề thực hiện công việc bảo dưỡng bình điện này. Người thực hiện công việc bảo dưỡng cần mặc đồ bảo hộ và đeo kính bảo hộ.

Vệ sinh các cực bình điện

1. Tháo bình điện. ➡ T. 85

Những nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản

2. Nếu các cực bình điện có dấu hiệu bị ăn mòn và bị bám muối trắng, hãy rửa bằng nước ấm và lau sạch.
3. Nếu các cực bình điện bị ăn mòn quá mức, hãy vệ sinh bằng bàn chải sợi thép hoặc giấy nhám. Đeo kính bảo hộ.



4. Lắp lại bình điện sau khi vệ sinh xong.

Bình điện có tuổi thọ giới hạn. Hãy tham khảo ý kiến của Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để biết khi nào cần thay thế bình điện. Luôn thay thế bình điện cũ bằng bình điện cùng loại.

LƯU Ý

Lắp phụ kiện điện không chính hãng Honda có thể gây quá tải hệ thống điện, làm tiêu hao điện áp bình điện và có thể gây hư hỏng hệ thống.

Cầu chì

Cầu chì dùng để bảo vệ mạch điện trên xe. Nếu một chi tiết điện nào đó trên xe không hoạt động, hãy kiểm tra và thay thế cầu chì bị hỏng. 📖 T. 114

❑ Kiểm tra và thay thế cầu chì

Vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off) khi cần tháo và kiểm tra cầu chì. Nếu cầu chì bị đứt, hãy thay cầu chì có cùng thông số với cầu chì cũ. Để biết thông số của cầu chì, hãy tham khảo phần “Thông số kỹ thuật.” 📖 T. 131

Cầu chì bị đứt



LƯU Ý

Thay thế cầu chì có thông số cao hơn có thể làm tăng khả năng hư hỏng hệ thống điện.

Nếu cầu chì liên tục bị hỏng, có khả năng hệ thống điện bị trục trặc. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Dầu động cơ

Mức tiêu hao dầu động cơ sẽ thay đổi và chất lượng dầu giảm tùy theo thời gian sử dụng và điều kiện lái xe.

Hãy kiểm tra mực dầu động cơ đều đặn và đổ thêm dầu khuyến dùng vào nếu cần. Dầu cũ hoặc bẩn cần được thay càng sớm càng tốt.

❑ Lựa chọn dầu động cơ

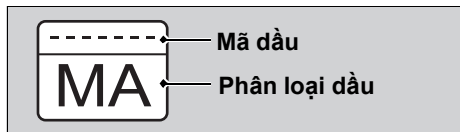
Để biết loại dầu động cơ khuyến dùng, hãy tham khảo phần “Thông số kỹ thuật.” 📖 T. 130

Nếu sử dụng dầu động cơ không chính hãng Honda, hãy kiểm tra nhãn hiệu dầu để đảm bảo rằng dầu đạt tất cả các tiêu chí sau:

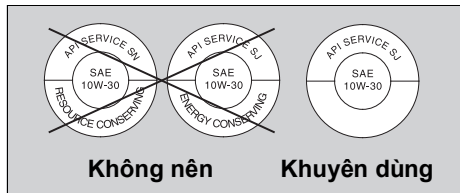
- Tiêu chuẩn JASO T 903^{*1}: MA
- Tiêu chuẩn SAE^{*2}: 10W-30
- Phân loại API^{*3}: SJ hoặc cao hơn

Những nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản

- *1. Tiêu chuẩn JASO T 903 là một chỉ số dùng để chọn dầu động cơ cho động cơ xe máy 4 kỳ. Có hai loại: MA và MB. Ví dụ: nhãn sau đây thể hiện loại dầu MA.



- *2. Tiêu chuẩn SAE phân loại dầu theo độ nhớt.
*3. Phân loại API quy định chất lượng và tính năng hoạt động của dầu động cơ. Sử dụng dầu SJ hoặc cao hơn ngoại trừ loại có dòng chữ “Energy Conserving” hoặc “Resource Conserving” ở vòng ngoài của nhãn API.



Dầu phanh

Không đổ thêm hoặc thay thế dầu phanh, ngoại trừ trường hợp khẩn cấp. Chỉ sử dụng dầu phanh sạch đựng trong bình kín. Nếu lỡ đổ thêm dầu, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để sửa chữa ngay khi có thể.

LƯU Ý

Dầu phanh có thể phá hủy các bề mặt sơn và nhựa.
Lau sạch chỗ dầu phanh tràn ngay lập tức và rửa sạch sẽ.

Dầu phanh khuyến dùng:

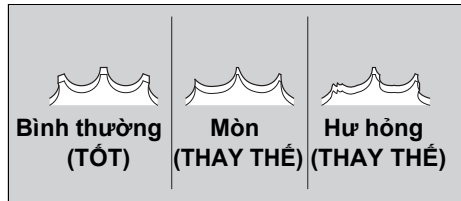
Dầu phanh Honda DOT 4 hoặc loại tương đương

Xích tải

Phải kiểm tra và bôi trơn xích tải thường xuyên. Hãy kiểm tra xích thường xuyên hơn nếu bạn thường chạy xe trên đường xấu, chạy ở tốc độ cao hoặc khi phải tăng tốc nhanh nhiều lần. 📖 T. 96

Nếu xích không di chuyển êm, gây tiếng ồn lạ, bị hồng con lăn, lỏng chốt nối, mất phốt O hoặc bị xoắn, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đồng thời kiểm tra không dẫn động và không bị động. Nếu răng của một trong hai không tải bị mòn hoặc hư hỏng, hãy đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay thế không tải.



LƯU Ý

Sử dụng xích mới cho không tải bị mòn sẽ khiến xích bị mòn nhanh.

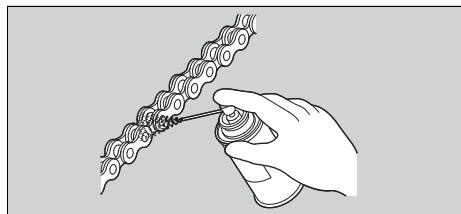
Vệ sinh và bôi trơn

Sau khi kiểm tra độ chùng, vệ sinh xích và không tải trong khi quay bánh sau. Sử dụng giẻ khô với

chất tẩy rửa xích được thiết kế riêng cho loại xích có phốt O, hoặc chất tẩy rửa trung tính. Sử dụng bàn chải mềm nếu xích bẩn. Sau khi vệ sinh, lau khô và bôi trơn bằng dầu bôi trơn khuyến dùng.

Dầu bôi trơn khuyến dùng:

Dầu bôi trơn xích tải được thiết kế riêng cho loại xích có phốt O. Nếu không có, sử dụng dầu hộp số SAE 80 hoặc 90.



Những nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản

Không sử dụng thiết bị vệ sinh dạng hơi, thiết bị vệ sinh cao áp, bàn chải kim loại, dung môi dễ bay hơi như xăng và benzen, chất tẩy rửa có tính ăn mòn, chất tẩy rửa xích hoặc dầu bôi trơn KHÔNG được thiết kế cho loại xích có phốt O vì các chất này có thể làm hỏng phốt O bằng cao su.

Tránh để dầu bôi trơn dính vào phanh hoặc lốp xe. Tránh bôi quá nhiều dầu bôi trơn xích để không bị bắn dầu vào quần áo và xe.

Dung dịch làm mát khuyến dùng

Kiểu KO, II KO, U, II U

Dung dịch làm mát Pro Honda HP là dung dịch pha sẵn gồm chất chống đông và nước cất.

Nồng độ:

50% chất chống đông và 50% nước cất

Nồng độ chất chống đông dưới 40% sẽ không đủ khả năng bảo vệ chống ăn mòn và đảm bảo nhiệt độ lạnh thích hợp.

Nồng độ lên tới 60% sẽ có khả năng bảo vệ tốt hơn ở khí hậu lạnh hơn.

Kiểu III FO, IV FO, MA, II MA, PH, II PH, TH, II TH, V, II V

Chỉ sử dụng dung dịch làm mát HONDA PRE-MIX COOLANT chính hãng không pha nước. Dung dịch làm mát HONDA PRE-MIX COOLANT có khả năng chống ăn mòn và quá nhiệt rất hiệu quả.

Nên kiểm tra và thay thế dung dịch làm mát đúng theo lịch bảo dưỡng. 📌 T. 68

LƯU Ý

Sử dụng dung dịch làm mát không dành cho động cơ bằng nhôm hoặc dùng nước máy/nước khoáng có thể gây ăn mòn động cơ.

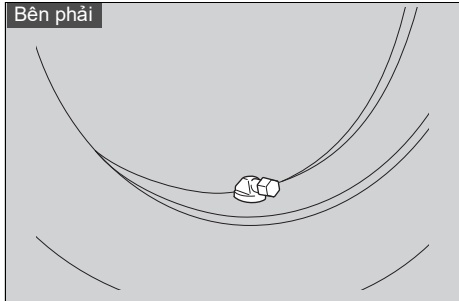
Lốp xe (Kiểm tra/Thay thế)

Kiểm tra áp suất lốp

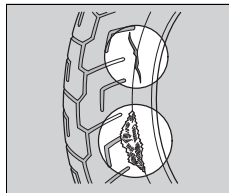
Kiểm tra lốp bằng mắt thường và sử dụng đồng hồ đo áp suất để đo áp suất lốp ít nhất một lần mỗi tháng hay bất cứ khi nào thấy lốp bị non hơi. Luôn kiểm tra áp suất lốp khi lốp nguội.

Ngay cả khi hướng của thân van bị thay đổi, không được đưa nó về vị trí ban đầu. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Bên phải



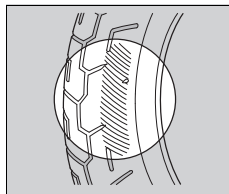
Kiểm tra hư hỏng lốp



Kiểm tra lốp xem có vết cắt/nứt làm lộ phần lõi bên trong lốp ra ngoài hoặc có vật nhọn cắm vào thành lốp/gai lốp hay không. Đồng thời kiểm tra xem lốp có

bị phình to hoặc phồng lên ở hai bên thành lốp không.

Kiểm tra mòn bất thường

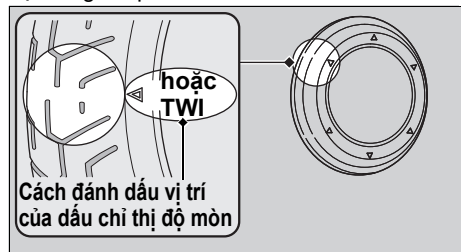


Kiểm tra lốp xem có dấu hiệu mòn bất thường trên bề mặt tiếp xúc không.

■ Kiểm tra độ sâu gai lốp

Kiểm tra dấu chỉ thị độ mòn gai lốp. Nếu nhìn thấy dấu này, hãy thay lốp ngay lập tức.

Để lái xe an toàn, bạn nên thay lốp khi đạt đến độ sâu gai lốp tối thiểu.



⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng lốp xe bị mòn quá mức hoặc không được bơm đúng áp suất là những nguyên nhân gây tai nạn dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Hãy thực hiện theo những chỉ dẫn về bơm lốp và bảo dưỡng lốp xe trong tài liệu hướng dẫn này.

Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay lốp.

Để biết loại lốp, áp suất lốp và độ sâu gai lốp tối thiểu khuyến dùng, hãy tham khảo phần “Thông số kỹ thuật.” ■ T. 130

Hãy làm theo những hướng dẫn sau mỗi khi thay lốp.

- Sử dụng lốp khuyến dùng hoặc loại lốp có cùng kích cỡ, cấu trúc, dải tốc độ và giới hạn trọng tải tương ứng với loại cũ để thay thế.
- Cân bằng bánh xe bằng đối trọng cân bằng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương sau khi lắp lốp.
- Không lắp thêm săm vào trong lốp xe do xe này sử dụng lốp không săm. Tích tụ nhiệt quá mức có thể làm nổ lốp.
- Chỉ sử dụng lốp không săm cho loại xe này. Vành xe được thiết kế dành riêng cho loại lốp không săm, trong quá trình tăng tốc hoặc phanh gấp thì kiểu lốp có săm sẽ bị trượt ra khỏi vành và nhanh chóng xì hơi.

CẢNH BÁO

Lắp lốp xe không đúng cách có thể gây ảnh hưởng xấu đến khả năng điều khiển và độ ổn định của xe dẫn đến tai nạn gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Luôn sử dụng lốp xe đúng kích cỡ và chủng loại theo như khuyến cáo trong hướng dẫn sử dụng này.

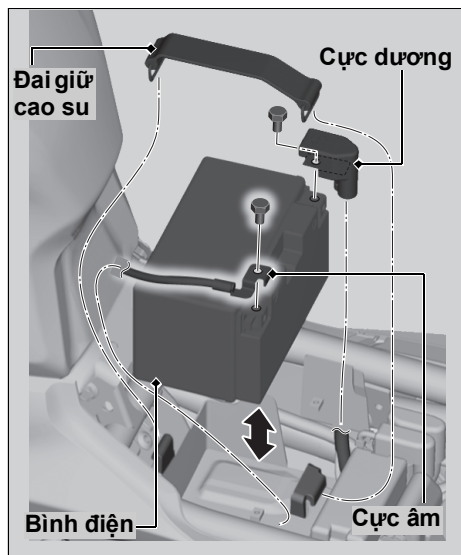
Bộ dụng cụ

Bộ dụng cụ được để dưới yên xe sau. ➡ T. 87

Bạn có thể thực hiện việc sửa chữa, điều chỉnh nhỏ hoặc thay thế phụ tùng trên đường bằng những dụng cụ được trang bị này.

- Cờ lê móc
- Cờ lê 10 × 14 mm
- Tua vít Phillips/tiêu chuẩn
- Cần tua vít
- Thanh nối
- Cờ lê lục giác 5 mm
- Dây treo mũ bảo hiểm

Bình điện



Tháo

Kiểm tra để đảm bảo khóa điện đã ở vị trí **○ (Off)**.

1. Tháo yên xe trước. ➤ T. 86
2. Tháo đai giữ cao su.
3. Tháo cực âm $\ominus$ ra khỏi bình điện.
4. Tháo cực dương $\oplus$ ra khỏi bình điện.
5. Tháo bình điện một cách cẩn thận tránh làm rơi các ốc cực.

Lắp

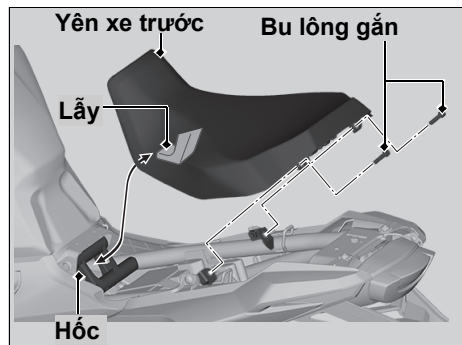
Lắp lại các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với lúc tháo. Luôn nhớ nối cực dương $\oplus$ vào trước. Siết chặt các bu lông và đai ốc.

Hãy đảm bảo rằng các thông tin hiển thị trên đồng hồ phải chính xác sau khi lắp lại bình điện. ➤ T. 33

Để bảo dưỡng bình điện đúng cách, hãy tham khảo phần “Những nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản.” ➤ T. 75

“Hồng bình điện.” ➤ T. 113

Yên xe trước



Tháo

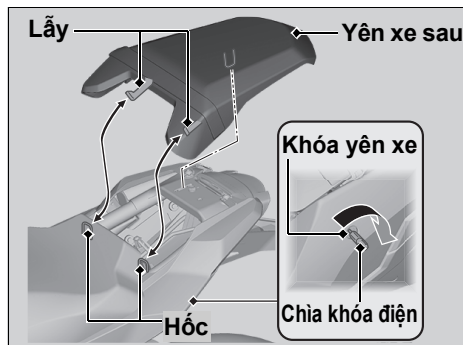
1. Tháo yên xe sau. ► T. 87
2. Tháo các bu lông gắn, sau đó kéo yên xe trước lên phía trên và ra phía sau.

Lắp

1. Lắp yên xe trước khi chèn lẫy vào hốc.
2. Lắp bu lông gắn.
3. Siết chặt bu lông gắn.

Kiểm tra yên xe xem đã khớp vào vị trí chưa bằng cách nhấc nhẹ yên xe lên.

Yên xe sau



Tháo

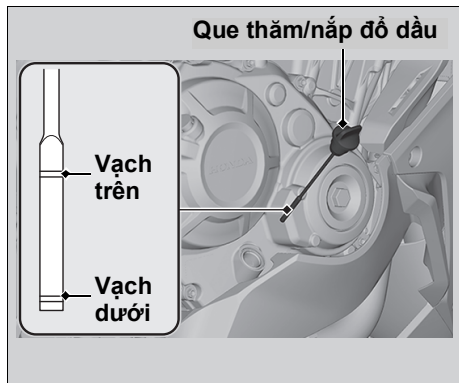
1. Tra chìa khóa điện vào khóa yên xe.
2. Vận chìa khóa điện theo chiều kim đồng hồ, sau đó kéo yên xe sau lên phía trên và ra phía sau.

Lắp

1. Chèn lấy vào trong hốc.
2. Ấn phần đuôi của yên xe sau xuống. Kiểm tra yên xe xem đã khớp vào vị trí chưa bằng cách nhấc nhẹ yên xe lên. Yên xe tự động khóa khi được đóng lại. Cần thận không để chìa khóa trong ổ cắm đựng đồ dưới yên xe sau.

Kiểm tra dầu động cơ

1. Nếu động cơ nguội, hãy để động cơ nổ cầm chừng từ 3 đến 5 phút.
2. Vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off) và đợi từ 2 - 3 phút.
3. Dừng xe ở vị trí thẳng đứng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
4. Tháo que thăm/nắp đổ dầu và lau sạch.
5. Lắp que thăm/nắp đổ dầu vào đúng vị trí, nhưng không vặn chặt.
6. Kiểm tra để đảm bảo mức dầu nằm giữa dấu vạch trên và vạch dưới trên que thăm/nắp đổ dầu.
7. Lắp chặt que thăm/nắp đổ dầu.



Đổ thêm dầu động cơ

Nếu dầu động cơ ở mức dưới hoặc gần đến dấu vạch dưới, hãy đổ thêm dầu động cơ vào. ► T. 77, ► T. 130

1. Tháo que thăm/nắp đổ dầu. Đổ dầu khuyến dùng cho đến khi mực dầu chạm dấu vạch trên.
 - Dừng xe ở vị trí thẳng đứng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn để kiểm tra mực dầu.
 - Không đổ dầu quá dấu vạch trên.
 - Hãy đảm bảo rằng không có vật lạ lọt vào qua lỗ đổ dầu.
 - Lau sạch chỗ dầu tràn ngay lập tức.

2. Lắp lại que thăm/nắp đổ dầu chắc chắn.

LƯU Ý

Đổ quá nhiều dầu hoặc vận hành xe thiếu dầu có thể gây hư hỏng động cơ. Không được hòa trộn các loại dầu có nhãn hiệu và phẩm cấp dầu khác nhau. Chúng có thể ảnh hưởng đến khả năng bôi trơn và hoạt động của côn.

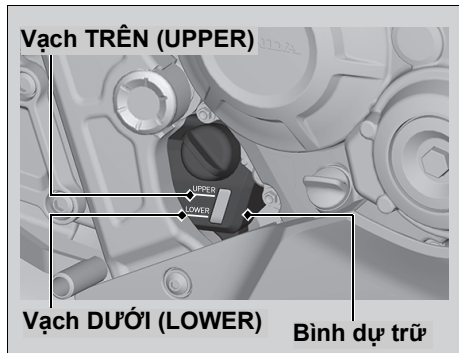
Để biết loại dầu khuyến dùng và hướng dẫn lựa chọn dầu, hãy tham khảo phần “Những nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản.” ► T. 77

Kiểm tra dung dịch làm mát

Kiểm tra lượng dung dịch làm mát trong bình dự trữ khi động cơ nguội.

1. Dừng xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
2. Giữ cho xe thẳng đứng.
3. Kiểm tra xem mức dung dịch làm mát có nằm ở giữa vạch UPPER và vạch LOWER trên bình dự trữ không.

Nếu thấy lượng dung dịch làm mát giảm nhanh hoặc cạn hết trong bình dự trữ, có khả năng dung dịch làm mát đã bị rò rỉ nghiêm trọng. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.



Đổ thêm dung dịch làm mát

Nếu lượng dung dịch làm mát nằm dưới vạch LOWER, hãy đổ thêm dung dịch làm mát khuyến dùng (T. 80) cho đến khi chạm vạch UPPER.

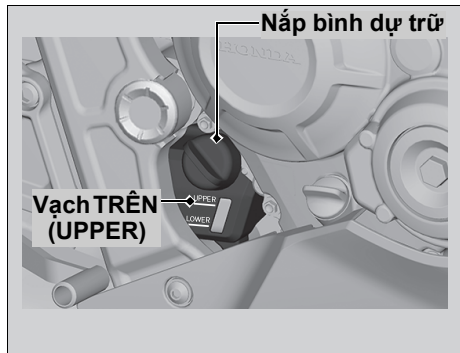
Chỉ đổ thêm dung dịch làm mát qua nắp bình dự trữ, không được tháo nắp kết tản nhiệt.

1. Tháo nắp bình dự trữ và đổ thêm dung dịch làm mát vào, đồng thời chú ý mức dung dịch làm mát.
 - Không đổ dung dịch làm mát tràn quá vạch UPPER.
 - Hãy đảm bảo rằng không có vật lạ lọt vào qua miệng bình dự trữ.
2. Lắp lại thật chặt nắp bình dự trữ.

CẢNH BÁO

Tháo nắp két tản nhiệt trong khi động cơ còn nóng có thể khiến dung dịch làm mát bắn ra ngoài và gây bỏng.

Luôn để động cơ và két tản nhiệt nguội hẳn trước khi tháo nắp két tản nhiệt.



Kiểm tra dầu phanh

1. Dừng xe ở vị trí thẳng đứng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
2. **Phanh trước** Kiểm tra xem nắp hộp dầu phanh có nằm ngang và mực dầu có nằm trên vạch LOWER không.
Phanh sau Kiểm tra xem hộp dầu phanh có nằm ngang và mực dầu có nằm ở giữa vạch LOWER và vạch UPPER không.

Nếu mực dầu phanh trong hộp dầu thấp hơn vạch LOWER hoặc hành trình tự do của tay phanh và bàn đạp phanh vượt quá tiêu chuẩn, hãy kiểm tra độ mòn má phanh. Nếu má phanh không bị mòn, có khả năng bị rò rỉ dầu phanh. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Phanh trước

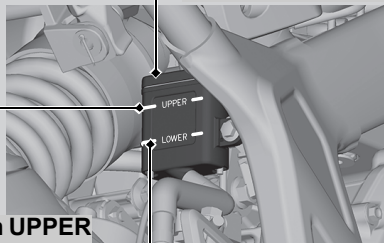
Hộp dầu phanh trước



Vạch LOWER

Phanh sau

Hộp dầu phanh sau



Vạch UPPER

Vạch LOWER

Kiểm tra má phanh

Kiểm tra tình trạng dấu chỉ thị độ mòn má phanh.

Phanh trước Cần thay thế các má phanh nếu một má phanh bị mòn tới cuối dấu chỉ thị.

Phanh sau Cần thay thế các má phanh thay thế nếu một má phanh bị mòn tới dấu chỉ thị.

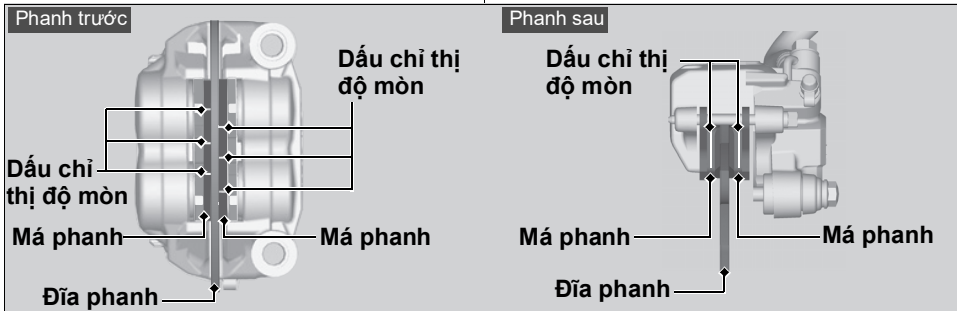
1. **Phanh trước** Kiểm tra má phanh từ phía trước ngàm phanh.

► Luôn kiểm tra cả ngàm phanh trái và phải.

2. **Phanh sau** Kiểm tra má phanh từ bên phải phía sau xe.

Nếu cần thay thế má phanh, nên để Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện công việc này.

Luôn thay má phanh bên trái và bên phải cùng lúc.

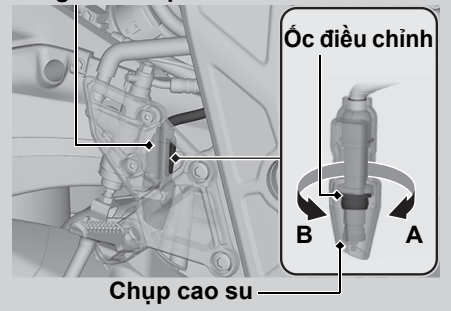


Điều chỉnh công tắc đèn phanh

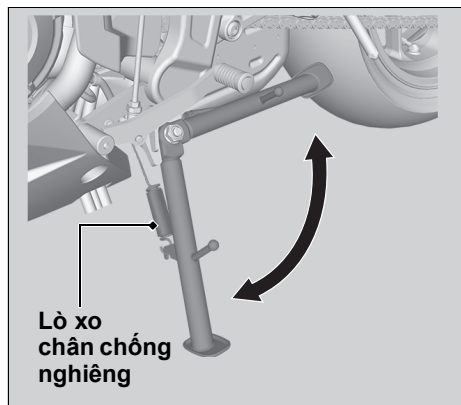
Kiểm tra hoạt động của công tắc đèn phanh.

1. Kéo phần dưới của chụp cao su lên.
2. Giữ công tắc đèn phanh và vặn ốc điều chỉnh theo chiều A nếu công tắc hoạt động quá trễ, hoặc vặn ốc theo chiều B nếu công tắc hoạt động quá sớm.
3. Di chuyển chụp cao su về vị trí ban đầu.

Công tắc đèn phanh



Kiểm tra chân chống nghiêng



1. Kiểm tra xem chân chống nghiêng có hoạt động trơn tru không. Nếu chân chống nghiêng bị cứng hoặc kêu cọt két thì làm sạch khu vực chốt và bôi trơn bu lông chốt bằng mỡ sạch.
2. Kiểm tra lò xo xem có bị hỏng hoặc mất đàn hồi không.
3. Ngồi lên xe, chuyển về vị trí số N và gạt chân chống nghiêng lên.
4. Khởi động động cơ, bóp tay côn và sang số.
5. Hạ hết chân chống nghiêng xuống. Động cơ phải dừng ngay khi hạ chân chống nghiêng. Nếu động cơ không dừng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Kiểm tra độ chùng xích tải

Kiểm tra độ chùng xích tải tại một vài điểm dọc xích. Nếu độ chùng không đồng nhất tại tất cả các điểm thì một số mắt xích có thể bị xoắn và dính vào nhau.

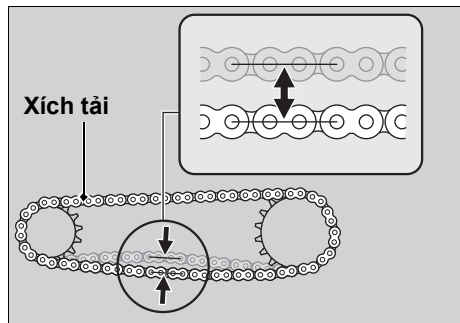
Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

1. Chuyển số về vị trí số N. Tắt máy.
2. Dựng xe bằng chân chống nghiêng trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn.
3. Di chuyển phần dưới của xích tải lên và xuống để kiểm tra độ chùng ở giữa hai không tải.

Độ chùng xích tải:

25 - 35 mm (1.0 - 1.4 in)

- Không lái xe nếu độ chùng vượt quá 50 mm (2.0 in).



4. Dắt xe về phía trước và kiểm tra đảm bảo xích di chuyển êm.
5. Kiểm tra không tải. ➡ T. 78
6. Vệ sinh và bôi trơn xích tải. ➡ T. 79

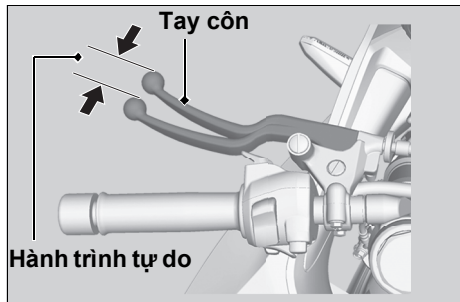
Kiểm tra côn

I Kiểm tra hành trình tự do tay côn

Kiểm tra hành trình tự do tay côn.

Hành trình tự do tay côn:

10 - 20 mm (0.4 - 0.8 in)



Kiểm tra dây côn xem có bị xoắn hoặc có dấu hiệu mòn hay không. Nếu cần thay thế, nên đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện công việc này.

Bôi trơn dây côn bằng loại dầu bôi trơn có sẵn trên thị trường để ngăn dây côn không bị mòn nhanh.

LƯU Ý

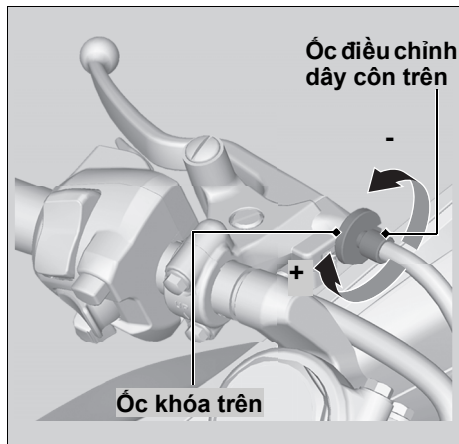
Điều chỉnh hành trình tự do không đúng cách có thể khiến côn bị mòn sớm.

Điều chỉnh hành trình tự do tay côn

Điều chỉnh trên

Trước tiên, hãy điều chỉnh bằng ốc điều chỉnh dây côn trên.

1. Nới lỏng ốc khóa trên.
2. Vặn ốc điều chỉnh dây côn trên cho đến khi hành trình tự do nằm trong khoảng 10 - 20 mm (0.4 - 0.8 in).
3. Siết chặt ốc khóa trên và kiểm tra lại hành trình tự do.

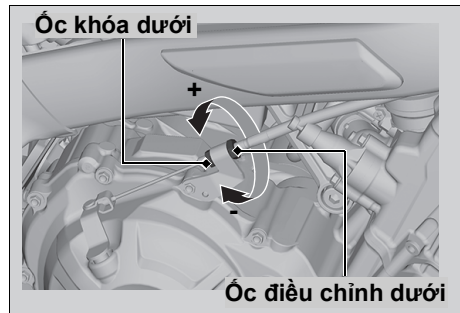


Điều chỉnh dưới

Nếu ốc điều chỉnh dây côn trên đã bị vặn ra gần hết ren, hoặc không thể đạt được hành trình tự do chính xác thì hãy điều chỉnh bằng ốc điều chỉnh dây côn dưới.

1. Nới lỏng ốc khóa trên và vặn ốc điều chỉnh dây côn trên vào hết cỡ (nhằm đạt được hành trình tự do tối đa). Siết chặt ốc khóa trên.
2. Nới lỏng ốc khóa dưới.
3. Vặn ốc điều chỉnh dưới cho đến khi hành trình tự do của tay côn nằm trong khoảng 10 - 20 mm (0.4 - 0.8 in).
4. Siết chặt ốc khóa dưới và kiểm tra hành trình tự do tay côn.

5. Khởi động động cơ, bóp tay côn và sang số. Hãy đảm bảo rằng xe không chết máy và bị giật. Từ từ nhả tay côn ra và mở ga. Xe cần chuyển động êm và tăng tốc từ từ.



Nếu không thể điều chỉnh đúng theo cách này hoặc côn không hoạt động đúng cách thì hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

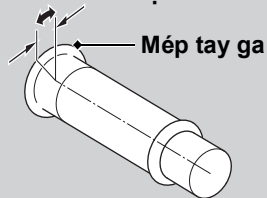
Kiểm tra tay ga

Tắt máy, kiểm tra xem tay ga có xoay trơn tru từ vị trí đóng hết cho đến vị trí mở hết ở mọi vị trí của cổ lái và hành trình tự do tay ga có đúng không. Nếu tay ga không di chuyển trơn tru, tự động đóng ga hoặc dây ga bị hỏng, hãy mang đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Hành trình tự do tay ga tính từ mép tay ga:

2 - 6 mm (0.1 - 0.2 in)

Hành trình tự do



Điều chỉnh tay phanh

Bạn có thể điều chỉnh khoảng cách giữa tay phanh và tay ga.

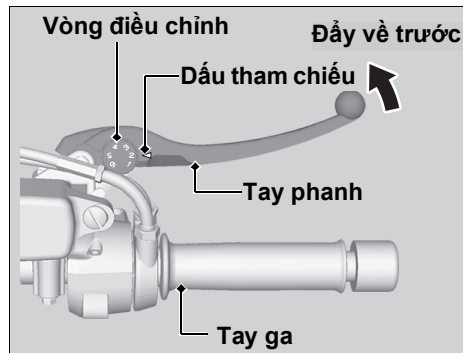
Phương pháp điều chỉnh

Xoay vòng điều chỉnh để các vị trí số khớp với dấu tham chiếu trong khi đẩy tay phanh về phía trước đến vị trí mong muốn.

Sau khi điều chỉnh, hãy đảm bảo tay phanh hoạt động đúng cách trước khi đi xe.

LƯU Ý

Không xoay vòng điều chỉnh vượt quá giới hạn của nó.

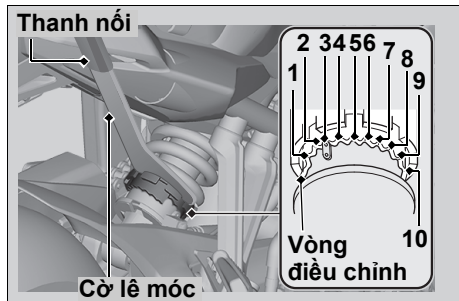


Điều chỉnh giảm xóc sau

Điều chỉnh tải trước lò xo

Bạn có thể điều chỉnh tải trước lò xo bằng cách xoay vòng điều chỉnh để phù hợp với trọng tải hoặc mặt đường.

Xoay vòng điều chỉnh bằng cờ lê móc và thanh nối có trong bộ dụng cụ (► T. 84). Sử dụng cờ lê móc và thanh nối để xoay vòng điều chỉnh. Xoay về vị trí 1 đến 2 để giảm tải trước lò xo (mềm), hoặc xoay sang vị trí 4 đến 10 để tăng tải trước lò xo (cứng). Vị trí tiêu chuẩn là 3.



LƯU Ý

Cố điều chỉnh trực tiếp từ 1 sang 10 hoặc 10 về 1 có thể làm hỏng giảm xóc.
Không xoay vòng điều chỉnh vượt quá giới hạn của nó.

Tìm kiếm hư hỏng

Động cơ không khởi động (Đèn báo hệ thống HISS sáng)	T. 104
Quá nhiệt động cơ (Vạch H trên đồng hồ nhiệt độ dung dịch làm mát nhấp nháy)	T. 105
Các đèn cảnh báo sáng hoặc nhấp nháy	T. 106
Đèn báo áp suất dầu thấp	T. 106
Đèn báo lỗi hệ thống PGM-FI (Phun xăng điện tử) (MIL)	T. 107
Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)	T. 108
Đèn báo hệ thống kiểm soát lực kéo	T. 109
Các đèn cảnh báo khác	T. 110
Báo lỗi đồng hồ báo xăng	T. 110
Báo lỗi đồng hồ nhiệt độ dung dịch làm mát	T. 111
Thùng lốp	T. 112
Trục trục về điện	T. 113
Hồng bình điện	T. 113
Cháy bóng đèn	T. 113
Cháy cầu chì	T. 114

Mô tơ đề hoạt động nhưng động cơ không khởi động

Kiểm tra các mục sau đây:

- Kiểm tra quy trình khởi động động cơ tiêu chuẩn. **▶** T. 56
- Kiểm tra xem có còn xăng trong bình không.
- Kiểm tra xem đèn báo lỗi phun xăng điện tử PGM-FI (MIL) có sáng không.
 - ▶ Nếu đèn này sáng, hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda càng sớm càng tốt.
- Kiểm tra xem đèn báo hệ thống HISS có sáng không.
 - ▶ Vận khóa điện sang vị trí **O** (Off) và rút chìa khóa. Cắm lại chìa khóa vào và vận khóa điện sang vị trí **I** (On). Nếu đèn báo vẫn sáng thì hãy kiểm tra các hạng mục sau:
Hãy chắc rằng không có chìa khóa HISS khác (kể cả chìa khóa dự phòng) gần khóa điện.

Hãy chắc rằng không có miếng dán hoặc vật chặn bằng kim loại trên chìa khóa.

Nếu đèn báo hệ thống HISS vẫn sáng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Mô tơ đề không hoạt động

Kiểm tra các mục sau đây:

- Kiểm tra quy trình khởi động động cơ tiêu chuẩn. **▶** T. 56
 - Hãy đảm bảo rằng công tắc ngắt động cơ ở vị trí **○** (Run). **▶** T. 52
 - Kiểm tra xem cầu chì có bị đứt không. **▶** T. 114
 - Kiểm tra xem mối nối bình điện có bị lỏng không (**▶** T. 85), hoặc điện cực có bị ăn mòn không (**▶** T. 75).
 - Kiểm tra tình trạng bình điện. **▶** T. 113
- Nếu lỗi vẫn còn xảy ra, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Quá nhiệt động cơ (Vạch H trên đồng hồ nhiệt độ dung dịch làm mát nhấp nháy)

Động cơ bị quá nhiệt khi xuất hiện các hiện tượng sau:

- Vạch H trên đồng hồ nhiệt độ dung dịch làm mát nhấp nháy.
- Tăng tốc chậm.

Nếu hiện tượng này xảy ra, hãy đưa xe vào lề đường và thực hiện quy trình sau.

Đề xe nổ cầm chừng trong thời gian dài có thể làm cho vạch H nhấp nháy.

LƯU Ý

Tiếp tục lái xe khi động cơ bị quá nhiệt có thể gây hư hỏng nghiêm trọng cho động cơ.

1. Tắt máy bằng khóa điện, sau đó vặn khóa điện sang vị trí I (On).
2. Hãy đảm bảo quạt két tản nhiệt đang hoạt động, rồi vặn khóa điện sang vị trí O (Off).

Nếu quạt không hoạt động:

Có thể đã có sự cố. Không khởi động động cơ. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Nếu quạt hoạt động:

Đề động cơ nguội với khóa điện ở vị trí O (Off).

3. Sau khi động cơ nguội, hãy kiểm tra ống két tản nhiệt và xem có hiện tượng rò rỉ dung dịch làm mát không. ➡ T. 90

Nếu có rò rỉ:

Không khởi động động cơ. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

4. Kiểm tra mức dung dịch làm mát trong bình dự trữ. ➡ T. 90
▶ Đổ thêm dung dịch làm mát nếu cần.
5. Nếu các bước kiểm tra từ 1- 4 bình thường, bạn có thể tiếp tục lái xe, tuy nhiên cần quan sát kỹ đồng hồ nhiệt độ dung dịch làm mát.

Đèn báo áp suất dầu thấp

Nếu đèn báo áp suất dầu thấp sáng, hãy đưa xe vào lề đường và tắt máy.

LƯU Ý

Tiếp tục lái xe khi áp suất dầu thấp có thể gây hư hỏng động cơ nghiêm trọng.

1. Kiểm tra mức dầu động cơ và đổ thêm dầu nếu cần. ➡ T. 88, ➡ T. 89
2. Khởi động động cơ.
► Chỉ tiếp tục lái xe nếu đèn báo áp suất dầu thấp tắt.

Tăng tốc nhanh có thể làm đèn báo áp suất dầu thấp sáng trong giây lát, đặc biệt là khi dầu gần hoặc nằm trong mức thấp.

Nếu đèn báo áp suất dầu thấp vẫn sáng khi dầu ở mức tiêu chuẩn, hãy tắt máy và liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Nếu mức dầu động cơ giảm nhanh, xe có thể bị rò rỉ hoặc gặp vấn đề nghiêm trọng khác. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Đèn báo lỗi hệ thống PGM-FI (Phun xăng điện tử) (MIL)

Ngoại trừ kiểu KO, II KO

Nếu đèn này sáng trong khi lái xe, có thể hệ thống PGM-FI bị trục trặc. Hãy giảm tốc độ và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra càng sớm càng tốt.

Kiểu KO, II KO

Nguyên nhân đèn báo này sáng hoặc nhấp nháy

- Đèn sáng khi có lỗi trong hệ thống kiểm soát khí xả động cơ.
- Đèn nhấp nháy khi phát hiện tình trạng động cơ hoạt động bất thường/bỏ máy.

Những việc cần làm khi đèn báo sáng

Không chạy xe ở tốc độ cao và mang ngay xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

LƯU Ý

Nếu tiếp tục chạy trong khi đèn báo sự cố sáng, động cơ và hệ thống kiểm soát khí xả có thể bị hư hỏng.

Những việc cần làm khi đèn báo nhấp nháy

Đỗ xe tại nơi an toàn không có vật dễ cháy, tắt động cơ và đợi ít nhất 10 phút đến khi động cơ nguội.

LƯU Ý

Nếu đèn báo sự cố vẫn nhấp nháy khi khởi động lại động cơ, lái xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda gần nhất ở tốc độ dưới 50 km/h (31 mph). Hãy mang xe đi kiểm tra.

Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)

Nếu đèn báo có một trong những tình trạng sau, có thể hệ thống ABS bị trục trặc. Hãy giảm tốc độ và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra càng sớm càng tốt.

- Đèn báo sáng hoặc bắt đầu nhấp nháy khi đang lái xe.
- Đèn báo không sáng khi khóa điện ở vị trí I (On).
- Đèn báo không tắt ở tốc độ trên 10 km/h (6 mph).

Nếu đèn báo ABS vẫn sáng, phanh sẽ tiếp tục hoạt động như một hệ thống thông thường nhưng không có tính năng chống bó cứng phanh.

Đèn báo ABS có thể nhấp nháy nếu bạn quay bánh sau khi bánh sau được nâng lên khỏi mặt đất. Trong trường hợp này, vặn khóa điện sang vị trí O (Off), rồi vặn lại về vị trí I (On). Đèn báo ABS sẽ tắt sau khi tốc độ xe đạt 30 km/h (19 mph).

Đèn báo hệ thống kiểm soát lực kéo

Nếu đèn báo có một trong những tình trạng sau, có thể hệ thống kiểm soát lực kéo gặp vấn đề nghiêm trọng. Hãy giảm tốc độ và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra càng sớm càng tốt.

- Đèn báo sáng liên tục trong khi lái xe.
- Đèn báo không sáng khi khóa điện bật sang vị trí I (On).
- Đèn báo không tắt ở tốc độ trên 5 km/h (3 mph).

Ngay cả khi đèn báo hệ thống kiểm soát lực kéo bật sáng, xe vẫn chạy bình thường mà không cần chức năng hệ thống kiểm soát lực kéo.

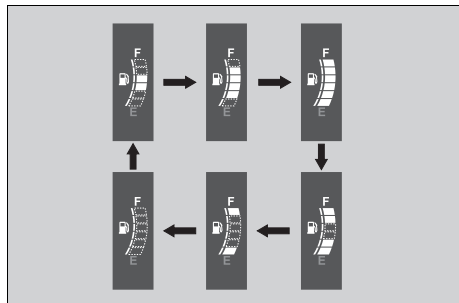
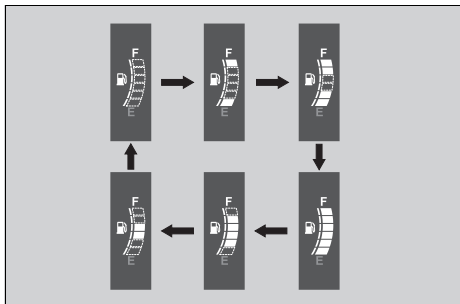
- Nếu đèn báo sáng trong khi hệ thống kiểm soát lực kéo đang hoạt động, sẽ phải đóng tay ga hoàn toàn để xe chạy bình thường.

Đèn báo hệ thống kiểm soát lực kéo có thể bật sáng nếu xoay bánh sau khi xe được nâng lên khỏi mặt đất. Trong trường hợp này, vặn khóa điện sang vị trí O (Off), rồi vặn lại về vị trí I (On). Đèn báo hệ thống kiểm soát lực kéo sẽ tắt sau khi tốc độ đạt 5 km/h (3 mph).

Báo lỗi đồng hồ báo xăng

Nếu hệ thống nhiên liệu bị lỗi, các đèn báo xăng sẽ được hiển thị trên màn hình giống như hình minh họa.

Nếu điều này xảy ra, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda càng sớm càng tốt.



Báo lỗi đồng hồ nhiệt độ dung dịch làm mát

Nếu hệ thống làm mát bị lỗi, tất cả các vạch sẽ nhấp nháy giống như hình minh họa. Nếu hiện tượng này xảy ra, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda càng sớm càng tốt.



Thủng lốp

Để vá lốp bị thủng hoặc tháo bánh xe, bạn phải có dụng cụ đặc biệt và tay nghề về kỹ thuật. Chúng tôi khuyến cáo bạn nên đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda thực hiện công việc này.

Sau khi vá lốp tạm thời, luôn nhớ kiểm tra lốp hoặc thay lốp mới ở Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Sửa chữa khẩn cấp bằng bộ dụng cụ sửa chữa lốp

Nếu lốp xe bị thủng một lỗ nhỏ, có thể sửa chữa khẩn cấp bằng bộ dụng cụ sửa chữa lốp không xăm.

Hãy làm theo hướng dẫn sử dụng đi kèm với bộ dụng cụ sửa chữa lốp.

Lái xe khi lốp xe chỉ được sửa chữa tạm thời là rất nguy hiểm. Không lái xe vượt quá 50 km/h (30 mph). Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay lốp càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Lái xe khi lốp xe chỉ được sửa chữa tạm thời là rất nguy hiểm. Nếu lốp hoặc xăm này bị hỏng, tai nạn có thể xảy ra gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.

Nếu buộc phải lái xe khi lốp vá tạm thời, hãy lái xe thật chậm và cẩn thận, không lái xe vượt quá 50 km/h (30 mph) cho đến khi lốp xe được thay thế.

Hồng bình điện

Sạc bình điện bằng máy sạc bình điện dành cho xe máy.

Tháo bình điện ra khỏi xe trước khi sạc.

Không sạc bằng máy sạc bình điện dùng cho ô tô vì có thể gây quá nhiệt và làm hỏng bình điện. Nếu bình điện không phục hồi sau khi sạc, hãy liên hệ Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

LƯU Ý

Chúng tôi khuyến cáo không khởi động cho xe máy bằng bình điện của xe ô tô, vì điều này có thể làm hư hỏng hệ thống điện của xe.

Cháy bóng đèn

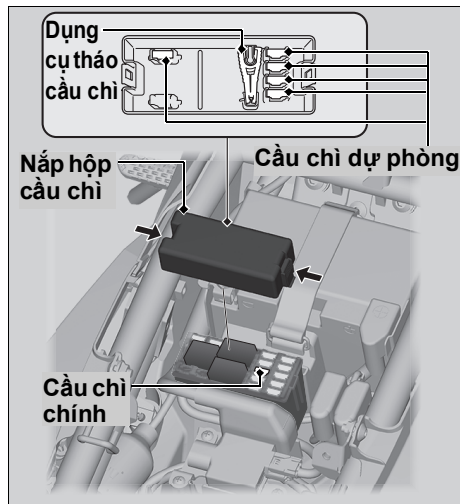
Tất cả các bóng đèn trên xe đều là đèn LED. Nếu thấy một bóng LED nào không sáng, hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để sửa chữa.

Cháy cầu chì

Trước khi xử lý cầu chì, tham khảo phần “Kiểm tra và thay thế cầu chì.” ► T. 77

I Cầu chì trong hộp cầu chì

1. Tháo yên xe trước. ► T. 86
2. Tháo nắp hộp cầu chì.
3. Lần lượt kéo từng cầu chì chính và các cầu chì khác ra ngoài bằng dụng cụ tháo cầu chì được để ở mặt dưới của nắp hộp cầu chì và kiểm tra xem cầu chì có bị cháy không. Luôn thay cầu chì bị đứt/hỏng bằng cầu chì dự phòng có cùng thông số.
 - Cầu chì dự phòng được để mặt dưới của nắp hộp cầu chì.
4. Lắp lại các chi tiết đã tháo theo thứ tự ngược với khi tháo.



LƯU Ý

Nếu cầu chì liên tục bị hỏng, có khả năng hệ thống điện bị trực trực. Hãy mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.

Thông tin

Bộ ghi chẩn đoán bảo dưỡng & sửa chữa	T. 116
Chìa khóa xe	T. 116
Bảng đồng hồ, công tắc điều khiển & các tính năng khác	T. 117
Chăm sóc xe	T. 120
Bảo quản xe	T. 123
Vận chuyển xe	T. 124
Bạn & môi trường xung quanh	T. 124
Số khung, số máy	T. 125
Xăng chứa cặn.....	T. 126
Bộ chuyển đổi chất xúc tác	T. 127

Bộ ghi chẩn đoán bảo dưỡng & sửa chữa

Kiểu KO, II KO

Xe của bạn được trang bị các thiết bị liên quan đến bảo dưỡng ghi lại thông tin về hiệu suất truyền động và điều kiện lái xe.

Dữ liệu này được sử dụng để giúp kỹ thuật viên chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Không ai được phép truy cập dữ liệu này trừ khi được yêu cầu hợp pháp hoặc được sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên, Honda, Cửa hàng xe phân khối lớn Honda và thợ sửa chữa được ủy quyền, nhân viên, đại diện và nhà thầu có thể truy cập dữ liệu này chỉ nhằm mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Chìa khóa xe

Chìa khóa điện

Xe có hai chìa khóa điện và một thẻ chìa khóa chứa mã số chìa khóa và mã vạch.

Chìa khóa điện có chip được mã hóa đặc biệt và được nhận biết bởi hệ thống khóa khởi động động cơ (HISS) để khởi động động cơ. Sử dụng chìa khóa cẩn thận để tránh làm hỏng các bộ phận của hệ thống HISS.

- Không bẻ cong hoặc để chìa khóa chịu tác động mạnh.
- Tránh tiếp xúc trong thời gian dài với ánh nắng mặt trời hoặc nhiệt độ cao.
- Không mài, khoan hoặc thay đổi hình dạng của chúng bằng bất kỳ cách nào.
- Không để cùng các vật có từ tính mạnh.

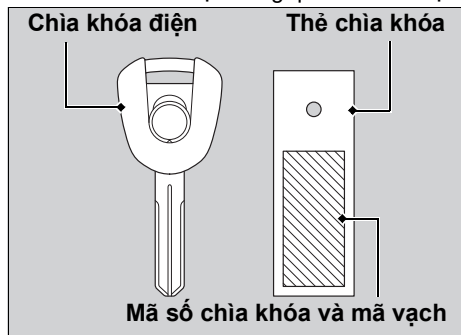
Nếu để mất toàn bộ chìa khóa điện và thẻ chìa khóa, phải đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để thay mô-đun điều khiển bộ khởi động/PGM-FI. Để tránh điều này, hãy giữ một chìa khóa dự phòng.

Nếu đánh mất chìa khóa, hãy làm một chìa khóa dự phòng khác ngay lập tức.

Để làm thêm chìa khóa và đăng ký chìa khóa với hệ thống HISS, hãy mang chìa khóa dự phòng, thẻ chìa khóa và xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

► Cất giữ thẻ chìa khóa ở nơi an toàn.

Sử dụng móc treo chìa khóa bằng kim loại có thể làm xước khu vực xung quanh khóa điện.



Bảng đồng hồ, công tắc điều khiển & các tính năng khác

Khóa điện

Để khóa điện ở vị trí **I** (On) khi động cơ dừng hoạt động sẽ làm hao hụt điện áp bình điện.

Không được vặn chìa khóa khi đang lái xe.

Công tắc ngắt động cơ

Không sử dụng công tắc ngắt động cơ ngoại trừ trường hợp khẩn cấp. Sử dụng khi đang lái xe sẽ khiến động cơ tắt đột ngột, gây mất an toàn.

Nếu bạn tắt máy bằng công tắc ngắt động cơ, hãy nhớ vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off). Nếu không, điện áp bình điện sẽ bị hao hụt.

Đồng hồ đo quãng đường

Màn hình đồng hồ sẽ dừng tại 999.999 khi quãng đường đi được vượt quá 999.999.

Bảng đồng hồ, công tắc điều khiển & các tính năng khác

Đồng hồ đo hành trình

Đồng hồ đo hành trình sẽ đặt lại về 0,0 khi giá trị đọc được trên mỗi đồng hồ vượt quá 9.999,9.

Hệ thống HISS

Hệ thống khóa khởi động an toàn Honda (HISS) sẽ khóa hệ thống khởi động của động cơ nếu sử dụng chìa khóa với mã không đúng để khởi động động cơ. Khi khóa điện được vặn sang vị trí **○** (Off), hệ thống khóa khởi động động cơ HISS luôn cảnh báo, ngay cả khi đèn báo hệ thống HISS không nhấp nháy. Nếu khóa điện được vặn sang vị trí **I** (On) khi công tắc ngắt động cơ ở vị trí **○** (Run), đèn báo hệ thống HISS sẽ sáng rồi tắt sau vài giây để thông báo có thể khởi động động cơ. **Đèn báo hệ thống HISS không tắt** **T. 104**

Đèn báo hệ thống HISS bắt đầu nhấp nháy 2 giây một lần trong 24 giờ sau khi khóa điện được vặn sang vị trí **○** (Off). Bạn có thể bật hoặc tắt tính năng này. **T. 35**

Chỉ ở Đài Loan

經型式認證合格之低功率射頻電機，非經許可，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。

低功率射頻電機之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。

前項合法通信，指依電信法規定作業之無線電通信。

低功率射頻電機須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。

Chỉ ở Hàn Quốc

기 기 의 명 칭 미약 전계강도 무선기기
Equipment Name

Chỉ ở Việt Nam



Chỉ ở Thái Lan



นปช.

เครื่องวิทยุคมนาคมนี้ ได้รับยกเว้น ไม่ต้องได้
รับใบอนุญาตให้มี ใช้อย่างเครื่องวิทยุคมนาคม
หรือตั้งสถานีวิทยุคมนาคมตามประกาศ กสทช.
เรื่อง เครื่องวิทยุคมนาคม และสถานีวิทยุ
คมนาคมที่ได้รับยกเว้นไม่ต้องได้รับใบอนุญาต
วิทยุคมนาคมตามพระราชบัญญัติวิทยุคมนาคม
พ.ศ. 2498



นปช. | โทรคมนาคม

กำกับดูแลเพื่อประชาชน

Call Center 1200 (InswS)

Túi đựng tài liệu

Có thể cất giữ sách hướng dẫn sử dụng, đăng ký xe và bảo hiểm xe máy trong túi đựng tài liệu nằm dưới yên xe sau. 📄 T. 87

Hệ thống ngắt máy

Cảm biến góc nghiêng tự động dừng động cơ và bơm xăng nếu xe bị đổ. Để cài đặt lại cảm biến, bạn phải vặn khóa điện sang vị trí **O** (Off) rồi về lại vị trí **I** (On) rồi khởi động lại động cơ.

Hệ thống ly hợp chống trượt

Hệ thống ly hợp chống trượt giúp bánh sau không bị bó cứng khi việc giảm tốc xe sinh ra hiệu ứng phanh động cơ mạnh. Hệ thống còn giúp vận hành tay côn nhẹ hơn.

Chỉ sử dụng dầu động cơ loại MA cho xe của bạn. Sử dụng dầu động cơ khác loại MA có thể làm hỏng hệ thống ly hợp chống trượt.

Chăm sóc xe

Thường xuyên vệ sinh và lau chùi xe là việc quan trọng nhằm duy trì tuổi thọ của xe. Xe được vệ sinh sạch sẽ giúp dễ dàng phát hiện ra vấn đề trực tiếp.

Nước biển hoặc muối dùng để hạn chế băng trên đường đi có thể làm tăng nguy cơ rỉ sét cho xe. Do vậy, luôn nhớ phải rửa xe sạch sẽ sau khi đi trên những đoạn đường gần biển hoặc có muối trên đường.

Rửa xe

Hãy để động cơ, ống xả, phanh và các chi tiết có nhiệt độ cao nguội hẳn trước khi rửa xe.

1. Loại bỏ bụi bẩn ra khỏi xe bằng vòi rửa có áp suất thấp.
2. Nếu cần, hãy sử dụng một miếng xốp hoặc khăn mềm nhúng vào dung dịch tẩy rửa nhẹ để lau xe.
 - ▶ Vệ sinh kính chắn gió, các chụp đèn pha, ốp và các chi tiết bằng nhựa khác thật cẩn thận để tránh làm xước các bộ phận này. Tránh phun nước trực tiếp vào lọc gió, ống xả và các chi tiết của hệ thống điện.

3. Rửa sạch xe bằng thật nhiều nước sạch và lau khô bằng giẻ mềm.
4. Sau khi xe đã khô, hãy bôi trơn các chi tiết chuyển động trên xe.
 - ▶ Hãy đảm bảo rằng dầu bôi trơn không bám vào phanh hoặc lốp xe. Đĩa phanh, má phanh, trống phanh và guốc phanh bị bám dầu động cơ sẽ làm giảm đáng kể hiệu quả phanh và có thể gây ra tai nạn.
5. Bôi trơn xích tải ngay sau khi rửa và làm khô xe.
6. Bôi lớp chất bảo quản để chống rỉ sét cho xe.
 - ▶ Không sử dụng chất bảo quản có chứa hóa chất hoặc chất tẩy rửa mạnh. Những chất này có thể làm hư hỏng các chi tiết bằng kim loại, nhựa và lớp sơn trên xe. Không để chất bảo quản bắn vào lốp xe và phanh.
 - ▶ Nếu trên xe có các chi tiết sơn mờ, không phủ chất bảo quản lên trên các bề mặt đó.

■ Lưu ý khi rửa xe

Hãy làm theo hướng dẫn sau khi rửa xe:

- Không sử dụng máy rửa xe áp lực cao để rửa xe:
 - ▶ Vòi xịt nước áp lực cao có thể gây hư hỏng các chi tiết chuyển động hoặc các chi tiết điện trên xe, khiến cho những chi tiết này không hoạt động.
 - ▶ Nước lọt vào bên trong có thể bị hút vào họng ga và/hoặc vào lọc gió.
- Không được phun nước trực tiếp vào khu vực ống xả:
 - ▶ Nước lọt vào ống xả có thể ngăn cản quá trình khởi động và gây rỉ sét bên trong ống xả.
- Làm khô phanh:
 - ▶ Nước lọt vào hệ thống phanh làm giảm hiệu quả của phanh. Sau khi rửa xe, bóp phanh ngắt quãng ở tốc độ thấp để làm khô phanh.
- Không phun nước trực tiếp vào dưới yên xe:
 - ▶ Nước lọt vào bên trong khoang chứa đồ có thể làm hỏng các tài liệu hoặc các vật dụng khác bên trong.

- Không phun nước trực tiếp vào lọc gió:
 - ▶ Nước lọt vào bên trong lọc gió có thể cản trở động cơ khởi động.
- Không phun nước trực tiếp vào khu vực xung quanh đèn pha:
 - ▶ Các chụp đèn phía bên trong đèn pha có thể bị mờ hơi nước tạm thời sau khi rửa xe hoặc khi đi mưa. Điều này không làm ảnh hưởng gì đến chức năng của đèn pha.
Tuy nhiên, nếu thấy có nhiều nước hoặc đóng băng bên trong các chụp đèn, phải mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda để kiểm tra.
- Không được bôi chất bảo quản hoặc dầu làm bóng lên bề mặt các chi tiết sơn mờ:
 - ▶ Sử dụng khăn mềm hoặc miếng xốp mềm nhúng với nhiều nước và chất tẩy rửa nhẹ để vệ sinh các bề mặt chi tiết sơn mờ. Sử dụng khăn mềm, sạch để lau khô.

Các chi tiết bằng nhôm

Nhôm dễ bị ăn mòn khi tiếp xúc với bụi bẩn, bùn đất hoặc muối trên đường. Hãy vệ sinh các chi tiết bằng nhôm đều đặn và thực hiện theo những hướng dẫn sau để tránh làm trầy xước bề mặt nhôm:

- Không sử dụng bàn chải đầu cứng, giẻ rửa bát bằng sợi thép hoặc các dụng cụ vệ sinh khác có khả năng mài mòn.
- Tránh để các bề mặt chi tiết bằng nhôm va chạm với lề đường.

Các ốp nhựa

Thực hiện theo những hướng dẫn sau để tránh làm trầy xước các ốp nhựa:

- Vệ sinh ốp nhựa bằng xốp mềm và nhiều nước.
- Để loại bỏ các vết bám trên ốp nhựa, hãy sử dụng dung dịch tẩy rửa được pha loãng với nước và xả sạch bằng nhiều nước.
- Tránh để xăng, dầu phanh hoặc chất tẩy rửa bám vào bảng đồng hồ, các ốp nhựa hoặc đèn pha.

Kính chắn gió

Sử dụng nhiều nước, làm sạch kính chắn gió bằng khăn mềm hoặc tấm bọt biển. (Tránh sử dụng các chất tẩy rửa hoặc hóa chất khi vệ sinh kính chắn gió.) Sử dụng khăn mềm, sạch để lau khô.

LƯU Ý

Để tránh làm xước hoặc bị hư hỏng khác, chỉ sử dụng nước và khăn mềm hoặc tấm bọt biển để vệ sinh kính chắn gió.

Với kính chắn gió nhiều bụi bẩn, hãy sử dụng chất tẩy rửa trung tính được pha loãng cùng với tấm bọt biển và nhiều nước.

Hãy đảm bảo lau sạch chất tẩy rửa hoàn toàn sau khi vệ sinh. (Chất tẩy rửa còn sót lại có thể làm nứt, vỡ kính chắn gió.)

Phải thay thế kính chắn gió nếu không thể loại bỏ vết nứt, vỡ bởi vì chúng làm kính bị mờ.

Cẩn thận không để dung dịch điện phân trong bình điện, dầu phanh hoặc các chất hóa học khác dính vào kính chắn gió và ốp kính chắn gió. Những chất này có thể làm hỏng các bộ phận trên.

Cổ xả và ống xả

Cổ xả và ống xả làm bằng thép không gỉ nhưng có thể bị biến màu do dính bùn đất hoặc bụi bẩn.

Để loại bỏ bùn đất hoặc bụi bẩn, hãy sử dụng miếng xốp ẩm và dung dịch tẩy rửa trung tính, sau đó rửa bằng nước sạch. Lau khô bằng khăn mềm.

Nếu cần, hãy loại bỏ các vết bẩn do nhiệt bằng cách sử dụng hợp chất kết cấu mịn có bán trên thị trường. Sau đó, rửa sạch giống như cách loại bỏ bùn đất hoặc bụi bẩn.

Nếu cổ xả và ống xả có lớp sơn bên ngoài, không dùng các loại chất tẩy rửa nhà bếp có tính ăn mòn cao trên thị trường để vệ sinh. Sử dụng chất tẩy rửa trung tính để vệ sinh các bề mặt sơn ở cổ xả và ống xả. Nếu bạn không chắc chắn là cổ xả và ống xả đã được sơn hay chưa, hãy liên hệ với Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

LƯU Ý

Mặc dù cổ xả và ống xả làm bằng thép không gỉ nhưng vẫn có thể bị chuyển màu. Hãy loại bỏ mọi vết bẩn ngay khi nhận thấy chúng.

Bảo quản xe

Nếu bảo quản xe ở ngoài trời, nên cân nhắc sử dụng tấm bạt phủ toàn bộ xe.

Nếu không sử dụng xe trong thời gian dài, hãy thực hiện theo các bước sau:

- Rửa xe và bôi chất bảo quản lên tất cả các bề mặt sơn (ngoại trừ các bề mặt sơn mờ). Bôi dầu chống rỉ sét vào các chi tiết mạ crom.

- Bôi trơn xích tải. ➡ T. 79

- Dựng xe chắc chắn bằng chân chống bảo dưỡng và đặt bệ đỡ sao cho cả hai bánh không chạm đất.

- Sau khi hết mưa, hãy tháo tấm phủ thân xe và để cho xe khô.

- Tháo bình điện (➡ T. 85) để tránh hao hụt điện áp. Sạc đầy bình điện rồi bảo quản ở nơi râm mát và thông thoáng.

► Nếu không tháo bình điện, hãy tháo dây cực âm $\ominus$ ra để tránh hao hụt điện áp.

Sau khi hết thời gian bảo quản, hãy kiểm tra tất cả các hạng mục cần bảo dưỡng theo Lịch bảo dưỡng.

Vận chuyển xe

Nếu cần phải vận chuyển xe, nên sử dụng ô tô chuyên chở hoặc ô tô tải có sàn phẳng, ô tô có trang bị thang tải hoặc thang nâng xe và có dây chằng chắc chắn. Không được kéo rê xe với một bánh hoặc hai bánh trên đường.

LƯU Ý

Kéo rê xe với một hoặc hai bánh trên mặt đường có thể gây hư hỏng nghiêm trọng đến hệ thống truyền động.

Bạn & môi trường xung quanh

Sở hữu và lái một chiếc xe là một trải nghiệm rất thú vị, tuy nhiên cần phải chú ý đến việc bảo vệ môi trường xung quanh.

Lựa chọn nước rửa vệ sinh xe thích hợp

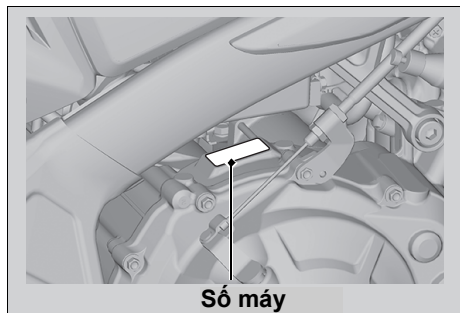
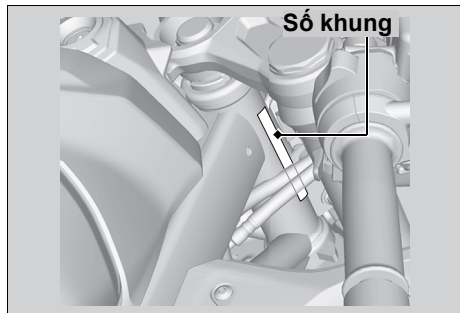
Sử dụng chất tẩy rửa sinh học để rửa xe. Tránh dùng nước rửa dạng xịt có chứa chất CFCs phá hủy tầng ô zôn.

Tái chế chất thải

Đổ dầu và các chất thải độc hại khác vào các bình kín tiêu chuẩn và mang tới trung tâm tái chế. Hãy liên hệ với cơ quan nhà nước hoặc địa phương có thẩm quyền hoặc đơn vị dịch vụ môi trường để tìm kiếm cơ sở tái chế thích hợp ở nơi bạn đang sống và nhận hướng dẫn xử lý chất thải không thể tái chế một cách thích hợp. Không đổ dầu động cơ đã sử dụng vào thùng rác hoặc đổ xuống kênh mương, xuống đường. Xăng, dầu, dung dịch làm mát đã sử dụng và một số dung môi khác có thể gây nhiễm độc cho người thu gom rác thải và gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt, sông, hồ và đại dương.

Số khung, số máy

Số khung và số máy là cơ sở để nhận dạng chiếc xe của bạn và cần phải có khi đi đăng ký xe. Khi đặt phụ tùng thay thế cần phải có thông tin về số khung và số máy này. Nên ghi lại số khung, số máy và lưu giữ ở nơi an toàn.



Xăng chứa cồn

Một số loại xăng pha cồn thông thường có sẵn trên thị trường có tác dụng làm giảm lượng khí thải ra môi trường để đáp ứng tiêu chuẩn khí sạch. Nếu bạn có ý định sử dụng xăng pha cồn, hãy kiểm tra để đảm bảo loại xăng đó không chứa chì và đạt chỉ số ốc tan tối thiểu.

Kiểu TH, II TH

Hỗn hợp xăng pha cồn dưới đây có thể sử dụng cho xe của bạn:

- Không quá 20% ethanol (ethyl alcohol).
 - ▶ Xăng có chứa ethanol được bán trên thị trường dưới tên là Gasohol.

LƯU Ý

Sử dụng hỗn hợp xăng pha cồn có chứa lượng ethanol cao quá mức cho phép có thể gây hư hỏng các chi tiết nhựa, cao su và kim loại của hệ thống xăng.

Nếu phát hiện xe có hiện tượng hoặc vấn đề liên quan đến vận hành, hãy thử đổi sang dùng loại xăng khác.

Ngoại trừ kiểu TH, II TH

Hỗn hợp xăng pha cồn dưới đây có thể sử dụng cho xe của bạn:

- Không quá 10% ethanol (ethyl alcohol).
 - ▶ Xăng có chứa ethanol được bán trên thị trường dưới tên là Gasohol.

Sử dụng xăng có chứa hơn 10% ethanol có thể:

- Phá hủy lớp sơn của bình xăng.
- Phá hủy các đường ống xăng bằng cao su.
- Gây rỉ sét bình xăng.
- Làm máy vận hành kém.

LƯU Ý

Sử dụng hỗn hợp xăng pha cồn có chứa lượng ethanol cao quá mức cho phép có thể gây hư hỏng các chi tiết nhựa, cao su và kim loại của hệ thống xăng.

Nếu phát hiện xe có hiện tượng hoặc vấn đề liên quan đến vận hành, hãy thử đổi sang dùng loại xăng khác.

Bộ chuyển đổi chất xúc tác

Loại xe này được trang bị bộ chuyển đổi chất xúc tác ba chiều. Bộ chuyển đổi chất xúc tác có chứa các kim loại quý đóng vai trò như các chất xúc tác trong các phản ứng hóa học ở nhiệt độ cao nhằm chuyển đổi khí hydro cacbon (HC), cacbon monoxit (CO) và nito oxit (NOx) trong khí thải thành các hợp chất an toàn.

Bộ chuyển đổi chất xúc tác bị hỏng gây ra ô nhiễm môi trường và có thể làm giảm tính năng hoạt động của động cơ. Cần phải thay mới bằng phụ tùng chính hãng của Honda hoặc loại tương đương.

Thực hiện theo các hướng dẫn sau đây để bảo vệ bộ chuyển đổi chất xúc tác của xe:

- Luôn sử dụng xăng không chì. Xăng pha chì sẽ làm hỏng bộ chuyển đổi chất xúc tác.
- Giữ động cơ ở điều kiện hoạt động tốt.
- Nếu thấy động cơ nổ sớm, không nổ, chết máy hoặc hoạt động không tốt, hãy dừng xe, tắt máy và mang xe đến Cửa hàng xe phân khối lớn Honda.

Thông số kỹ thuật

■ Các bộ phận chính

Chiều dài	Kiểu III FO, IV FO
	2.130 mm (83.9 in)
	Kiểu KO, II KO, MA, II MA, U, II U, V, II V
	2.120 mm (83.5 in)
	Kiểu PH, II PH
Chiều rộng	2.128 mm (83.8 in)
	Kiểu TH, II TH
	2.145 mm (84.4 in)
	Kiểu III FO, IV FO, MA, II MA, U, II U, V, II V
	750 mm (29.5 in)
Chiều cao	Kiểu KO, II KO
	740 mm (29.1 in)
	Kiểu PH, II PH, TH, II TH
	749 mm (29.5 in)
	Kiểu III FO, IV FO, KO, II KO, MA, II MA, U, II U, V, II V
Khoảng cách hai bánh xe	1.150 mm (45.3 in)
	Kiểu PH, II PH, TH, II TH
	1.149 mm (45.2 in)
	Kiểu III FO, IV FO, KO, II KO, MA, II MA, U, II U, V, II V
	1.450 mm (57.1 in)
Khoảng sáng gầm xe	Kiểu PH, II PH, TH, II TH
	1.449 mm (57.0 in)
	Kiểu III FO, IV FO, KO, II KO, MA, II MA, U, II U, V, II V
	130 mm (5.1 in)
	Kiểu PH, II PH, TH, II TH

Góc nghiêng phụ thuộc trước	Kiểu KO, II KO, MA, II MA
	25.5°
	Kiểu III FO, IV FO, PH, II PH, TH, II TH, U, II U, V, II V
	25° 30'
	Chiều dài vết quét
Khối lượng bản thân	101 mm (4.0 in)
	Kiểu III FO, IV FO
	208 kg (459 lb)
	Kiểu KO, II KO
	210 kg (463 lb)
Khối lượng trọng tải tối đa *1	Kiểu MA, II MA, U, II U
	205 kg (452 lb)
	Kiểu PH, II PH, TH, II TH, V, II V
	207 kg (456 lb)
	Kiểu III FO, IV FO, MA, II MA, TH, II TH, U, II U, V, II V
Khả năng chờ người	168 kg (370 lb)
	Kiểu KO, II KO
	148 kg (326 lb)
	Kiểu PH, II PH
	128 kg (282 lb)
Bán kính quay tối thiểu	Người lái và 1 người ngồi sau
	3,0 m (9.8 ft)

*1 : Bao gồm người lái, người ngồi sau, toàn bộ hành lý và phụ kiện kèm theo.

Dung tích xy lanh	Kiểu III FO, IV FO, KO, II KO, MA, II MA, U, II U, V, II V
	649 cm ³ (39.6 cu-in)
	Kiểu PH, II PH
Đường kính xy lanh x Hành trình piston	648 cm ³ (39.5 cu-in)
	Kiểu TH, II TH
	648,72 cm ³ (39.572 cu-in)
Tỷ số nén	Kiểu III FO, IV FO, KO, II KO, MA, II MA, U, II U, V, II V
	67,0 x 46,0 mm (2.64 x 1.81 in)
	Kiểu PH, II PH, TH, II TH
Xăng	67,000 x 46,000 mm (2.6378 x 1.8110 in)
	11,6 : 1
	Xăng không chì
Xăng chứa cồn	Xăng khuyến dùng: RON 91 hoặc cao hơn
	Ngoại trừ kiểu TH, II TH
	Dung tích ETHANOL không quá 10%
Dung tích bình xăng	Kiểu TH, II TH
	Dung tích ETHANOL không quá 20%
	Ngoại trừ kiểu V, II V
Bình điện	15,4 L (4.07 US gal, 3.39 Imp gal)
	Kiểu V, II V
	15 L (4.0 US gal, 3.3 Imp gal)
Tỷ số truyền	YTZ10
	Ngoại trừ kiểu V, II V
	FTZ10S
Tỷ số truyền giảm tốc (cấp đầu/cấp cuối)	12 V-8,6 Ah (10 HR)

Tỷ số truyền	Số 1	3,071
	Số 2	2,352
	Số 3	1,888
	Số 4	1,560
	Số 5	1,370
	Số 6	1,214
Tỷ số truyền giảm tốc (cấp đầu/cấp cuối)		
1,690 / 2,800		

Thông số kỹ thuật

■ Dữ liệu sửa chữa

Kích cỡ lốp	Trước	120/70ZR17M/C(58W)
	Sau	180/55ZR17M/C(73W)
Kiểu lốp		Hướng tâm, không sẫm
Lốp khuyến dùng	Trước	DUNLOP D214F Z
	Sau	DUNLOP D214 Q
Áp suất lốp	Trước	250 kPa (2.50 kgf/cm ² , 36 psi)
	Sau	290 kPa (2.90 kgf/cm ² , 42 psi)
Độ sâu gai lốp tối thiểu	Trước	1,5 mm (0.06 in)
	Sau	2,0 mm (0.08 in)
Bugì	(tiêu chuẩn)	IMR9E-9HES (NGK) hoặc VUH27ES (DENSO)
Khe hở bugì	(không thể điều chỉnh)	0.8 - 0.9 mm (0.03 - 0.04 in)
Tốc độ cảm chừng		1.250 ± 100 vòng/phút
Dầu động cơ khuyến dùng		Dầu máy Honda 4 kỳ cho xe máy, phân loại SJ hoặc cao hơn theo nhãn API, ngoại trừ loại dầu có nhãn "Energy Conserving" hoặc "Resource Conserving", dầu MA theo tiêu chuẩn JASO T 903, độ nhớt SAE 10W-30

Dung tích dầu động cơ	Sau khi xả	2,3 L (2.4 US qt, 2.0 Imp qt)
	Sau khi xả & thay bộ lọc dầu động cơ	2,6 L (2.7 US qt, 2.3 Imp qt)
	Sau khi rửa máy	3,0 L (3.2 US qt, 2.6 Imp qt)
Dầu phanh khuyến dùng	Dầu phanh Honda DOT 4	
Dung dịch làm mát khuyến dùng	Kiểu KO, II KO, U, II U	
	Dung dịch làm mát Pro Honda HP	
	Kiểu III FO, IV FO, MA, II MA, PH, II PH, TH, II TH, V, II V HONDA PRE-MIX COOLANT	
Dung tích hệ thống làm mát	2,50 L (2.64 US qt, 2.20 Imp qt)	
Dầu bôi trơn xích tải khuyến dùng	Dầu bôi trơn xích tải được thiết kế riêng cho loại xích có phốt O. Nếu không có, sử dụng dầu hộp số SAE 80 hoặc 90.	
Độ chùng xích tải	25 - 35 mm (1.0 - 1.4 in)	
Xích tải tiêu chuẩn	DID 525V11 hoặc RK 525KRW	
	Số mắt xích	118
Kích cỡ nhông tải tiêu chuẩn	Nhông dẫn động	15 Răng
	Nhông bị động	42 Răng

■ Bóng đèn

Đèn pha	LED
Đèn phanh/Đèn hậu	LED
Đèn báo rẽ trước	LED
Đèn báo rẽ sau	LED
Đèn vị trí	LED
Đèn soi biển số	LED

■ Cầu chì

Cầu chì chính	30 A
Cầu chì khác	30 A, 20 A, 15 A, 10 A, 7,5 A

A	
ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)	12
B	
Bảng đồng hồ	20
Bảng đồng hồ, công tắc điều khiển & các tính năng khác.....	117
Bảo dưỡng	
An toàn bảo dưỡng	67
Lịch bảo dưỡng	68
Những nguyên tắc bảo dưỡng cơ bản....	73
Tầm quan trọng của việc bảo dưỡng	67
Bảo quản xe	123
Bình điện	75, 85
Bộ dụng cụ sửa chữa	112
Bóng đèn	131
C	
Các công tắc.....	52
Các đèn báo	46
Cải tạo xe	16
Cảnh báo khi lái xe	11

Cảnh báo về an toàn.....	10
Cắt giữ	
Hộp đựng đồ.....	64
Sách hướng dẫn sử dụng	65, 119
Cầu chì.....	77, 114
Chăm sóc xe	120
Chân chống nghiêng.....	95
Chìa khóa điện.....	116
Côn/Ly hợp	
Hành trình tự do	98
Công tắc cảnh báo nguy hiểm	52
Công tắc chế độ đèn chiếu sáng	52
Công tắc đèn phanh.....	94
Công tắc điều khiển đèn xin vượt	52
D	
Dầu	
Động cơ	77, 88
Dung dịch làm mát.....	80, 90
Dừng động cơ	117
Dụng cụ	13

D

Đèn báo ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)	48, 108
Đèn báo áp suất dầu thấp	49, 106
Đèn báo chế độ chiếu xa	47
Đèn báo hệ thống HISS	49, 104
Đèn báo hệ thống kiểm soát lực kéo	47
Đèn báo lỗi hệ thống PGM-FI (Phun xăng điện tử) (MIL)	49, 107
Đèn báo rẽ	46
Đèn báo REV	38, 48
Đèn báo số N	47
Đèn báo TẮT hệ thống kiểm soát lực kéo ..	47
Đèn báo vị trí số	21
Điều chỉnh đồng hồ kỹ thuật số	33
Đồ xăng	61
Động cơ	
Công tắc ngắt động cơ	52, 56, 117
Dầu động cơ	77, 88
Dừng xe	117
Khởi động	56
Không khởi động	104
Quá nhiệt	105
Số máy	125

Động cơ bị ngập xăng	56
Đồng hồ	21, 33
Đồng hồ đo hành trình	28, 118
Đồng hồ đo quãng đường	28, 117
Đồng hồ đo quãng đường đi được với lượng xăng dự trữ	28
Đồng hồ đo tốc độ động cơ	21
Đồng hồ đo tốc độ động cơ dạng số	28
Đồng hồ đo tốc độ trung bình	25
Đồng hồ nhiệt độ dung dịch làm mát	22
Đồng hồ tốc độ	21

G

Gasohol	126
Giảm xóc sau	102
Giới hạn hàng hóa	17
Giới hạn trọng tải	17, 128
Giới hạn trọng tải tối đa	17

H

Hệ thống ngắt máy	
Cảm biến góc nghiêng	119
Chân chống nghiêng	95

Hộp đựng đồ	
Bộ dụng cụ	64
Sách hướng dẫn sử dụng	65, 119
Hướng dẫn về an toàn	3
Hướng dẫn về trọng tải	17

K

Khóa điện	53, 56, 117
Khởi động động cơ	56
Khuyến dùng	
Dầu động cơ	77, 130
Dung dịch làm mát	80
Xăng	61

L

Lốp	
Áp suất lốp	81
Thay thế	81, 112
Thùng lốp	112

M

Màn hình hiển thị đồng hồ đo tốc độ động cơ	42
Móc giữ mũ bảo hiểm	64
Môi trường	124

N

Nhãn	6
Nhãn hình ảnh	6
Nút còi	52
Nút đề	52, 56
Nút SEL	20
Nút SET	20

Ô

Ổ cắm USB	62
-----------------	----

P

Phanh	12
Phanh	
Dầu phanh	78, 92, 130
Điều chỉnh tay phanh	101
Mòn má phanh	93
Phụ kiện	16

Q

Quá nhiệt	105
-----------------	-----

R

Rửa xe	120
--------------	-----

S

Sang số	58
Số khung, số máy	125
Sự cố	4

T

Tay ga	100
Tháo	
Bình điện.....	85
Yên xe sau.....	87
Yên xe trước.....	86
Thời gian thực hiện hành trình.....	26
Thông số kỹ thuật.....	128
Tìm kiếm hư hỏng.....	103
Tín hiệu dừng khẩn cấp	59
Trang phục bảo hộ	10
Trục trục về điện	113

V

Vận chuyển xe	124
Vị trí các bộ phận	18

X

Xăng	61, 126
Xăng	
Đồng hồ báo lượng tiêu thụ nhiên liệu	25
Đồng hồ báo mức tiêu hao nhiên liệu	
hiện tại	24
Đồng hồ báo mức tiêu hao nhiên liệu	
trung bình	24
Đồng hồ báo xăng.....	22
Dung tích bình xăng	61
Lượng nhiên liệu dự trữ đã tiêu thụ	26
Xăng dự trữ.....	22
Xăng khuyến dùng	61
Xăng chứa cồn	126
Xích tải.....	78, 96

Truy cập hướng dẫn sử dụng trên website

<https://www.honda.com.vn/xe-may/dich-vu-sau-ban-hang/huong-dan-su-dung-xe>



4FMKYC20
00X4F-MYC-C200